



CHƯƠNG TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017 CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Thời gian: Từ 7h00' đến 11h30' ngày 22 /4/2017

Địa điểm: Hội trường Trung tâm ĐDKT Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn

Thời gian	Nội dung	Thực hiện
7h00' – 7h30'	Tiếp đón Đại biểu, khách mời; hướng dẫn đăng ký; kiểm tra tư cách Đại biểu; phát tài liệu, giải quyết thắc mắc. Ôn định tổ chức	Ban tổ chức
	Tập hợp báo cáo tỷ lệ cổ đông tham dự	
7h30'-8h00'	- Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội;	Ban tổ chức
	- Chào cờ, tuyên bố lý do; Giới thiệu Đại biểu, thành phần tham dự	Ban tổ chức
	- Thông qua Quy chế làm việc của Đại hội.	Ban tổ chức
	- Thông qua danh sách Đoàn Chủ tịch Đại hội	
8h00'-10h00'	Thông qua danh sách thư ký và ban Ban kiểm phiếu	Đoàn chủ tịch
	Thông qua chương trình Đại hội	Đoàn chủ tịch
	Thông qua các báo cáo, các tờ trình:	
	+ Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2016 và định hướng hoạt động năm 2017	Đại diện HĐQT
	+ Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2016 và định hướng hoạt động năm 2017	Đại diện Ban KS
	+ Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 và kế hoạch năm 2017	Đại diện Ban TGD
	+ Tờ trình thông qua báo cáo tài chính kiểm toán; phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2016	Đại diện Ban TGD
	+ Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2017	Đại diện Ban TGD
	+ Tờ trình về việc phê duyệt thù lao, tiền thưởng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2017	Đại diện Ban TGD
	+ Tờ trình về việc chấp thuận thành viên Hội đồng quản trị	Đại diện HĐQT
	+ Tờ trình về việc phê chuẩn Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty	Đại diện HĐQT
	+ Tờ trình về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: đầu tư cải tạo, nâng cấp phát triển Cảng Quy Nhơn	Đại diện Ban TGD
	+ Tờ trình về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Thành lập và xây dựng cảng cạn (ICD) Quy Nhơn	Đại diện Ban TGD
	+ Tờ trình về việc Thông qua ban hành lại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn	Đại diện Ban TGD
	10h00'-10h30'	Thảo luận và biểu quyết thông qua các báo cáo và các tờ trình
10h30'-11h00'	Đại hội giải lao	Ban Tổ chức
11h00'-11h10'	Công bố kết quả biểu quyết thông qua các báo cáo, các tờ trình	Ban kiểm phiếu
11h10'-11h25'	Thông qua dự thảo Biên bản cuộc họp và Nghị quyết đại hội	Tổ thư ký
	Biểu quyết thông qua Biên bản cuộc họp và Nghị quyết đại hội	Chủ tọa
11h25'-11h30'	Bế mạc Đại hội	Ban Tổ chức

BAN TỔ CHỨC



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG QUY NHƠN**
DỰ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Định, ngày tháng năm 2017

QUY CHẾ LÀM VIỆC **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH 13 được thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành ;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn;

I. MỤC TIÊU

- Đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông;
- Đảm bảo tính tập trung, ổn định tổ chức của Phiên họp Đại hội đồng cổ đông.

II. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên sử dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn (sau đây viết tắt là Quy chế).

Quy chế này quy định cụ thể quyền lợi và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện thể thức tiến hành Đại hội.

Cổ đông tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại quy chế này.

III. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG THAM DỰ ĐẠI HỘI

- Điều kiện tham dự: cổ đông là pháp nhân, thể nhân hoặc đại diện cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty vào ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 24/3/2017) được quyền tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 vào ngày 22/4/2017.

- Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông tham dự Đại hội:

+ Mỗi cổ đông, người đại diện theo ủy quyền khi tham dự Đại hội cổ đông phải mang theo giấy tờ tùy thân (CMND hoặc Hộ chiếu) và thư mời tham dự nộp cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông.

+ Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 Công ty. Cổ đông vi phạm quy chế này, tùy mức độ cụ thể, Đoàn chủ tịch sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

+ Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền đến muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để cho cổ đông đó đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

IV. UỶ QUYỀN THAM DỰ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

- Cổ đông có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham gia dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn. Người được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty. Người được ủy quyền được thực hiện các quyền của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ ba.

- Việc cử đại diện theo ủy quyền hoặc thay đổi đại diện theo ủy quyền phải được thực hiện bằng văn bản theo đúng quy định:

+ Trường hợp cổ đông là cá nhân thì văn bản ủy quyền phải được ký bởi cổ đông đó.

+ Trường hợp cổ đông là pháp nhân/tổ chức thì văn bản ủy quyền phải được đóng dấu và được ký bởi người đại diện theo pháp luật của pháp nhân/tổ chức đó.

V. TRẬT TỰ CỦA ĐẠI HỘI

- Tất cả các cổ đông đến tham dự đại hội có mặt đúng thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông và nhận **Thẻ biểu quyết** và **Phiếu biểu quyết**.

- Cổ đông khi vào phòng họp phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức Đại hội quy định. Tuyệt đối tuân thủ việc sắp xếp của Ban tổ chức Đại hội, ứng xử văn minh, lịch sự.

- Không hút thuốc lá trong phòng họp.

- Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tắt máy điện thoại di động hoặc sử dụng ở chế độ "hợp"

VI. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI

1. Nguyên tắc

Điều kiện để Đại hội đồng cổ đông bất thường được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông chốt ngày 22/4/2017.

- Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai của tất cả cổ đông bằng **Thẻ biểu quyết** và **Phiếu biểu quyết** theo số cổ phần sở hữu và đại diện;

- Mỗi cổ đông được cấp một **Thẻ biểu quyết** màu **hồng** và một **Phiếu biểu quyết** màu **xanh** trong đó ghi tên cổ đông/cổ đông được ủy quyền, số cổ phần có quyền biểu quyết

(sở hữu và uỷ quyền) của cổ đông và có đóng dấu treo của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn;

a. Thẻ biểu quyết:

+ Mục đích: Dùng để biểu quyết những nội dung cần thông qua ngay tại Đại hội theo hình thức Giơ thẻ, bao gồm:

Thông qua quy chế làm việc tại Đại hội

Thông qua Đoàn chủ tịch Đại hội

Thông qua Ban Thư ký Đại hội

Thông qua Ban kiểm phiếu Đại hội

Thông qua chương trình Đại hội

Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội

+ Cách sử dụng **Thẻ biểu quyết**: Cổ đông thực hiện việc **GIƠ Thẻ biểu quyết** để biểu quyết “Tán thành” hoặc “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến” với những nội dung biểu quyết khi Ban Tổ chức hoặc Đoàn chủ tịch Đại hội yêu cầu biểu quyết. Trình trình lấy ý kiến biểu quyết là biểu quyết “Tán thành” đến biểu quyết “Không tán thành” và sau cùng là biểu quyết “Không có ý kiến”. Kết quả biểu quyết sẽ được Ban kiểm phiếu công bố ngay sau khi biểu quyết từng nội dung.

b. Phiếu biểu quyết:

+ Mục đích: Dùng biểu quyết những nội dung cần thông qua ngay tại Đại hội bằng cách bỏ phiếu. Ban tổ chức bố trí 01 thùng phiếu tại Hội trường để Quý cổ đông bỏ phiếu biểu quyết. Những nội dung biểu quyết gồm:

1. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2016 và định hướng hoạt động năm 2017;
2. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2016 và định hướng hoạt động năm 2017;
3. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 và kế hoạch năm 2017;
4. Tờ trình về việc thông qua báo cáo tài chính công ty năm 2016 đã được kiểm toán và phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2016;
5. Tờ trình về tỷ lệ trích lập quỹ đầu tư phát triển để huy động vốn đầu tư phát triển Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn giai đoạn năm 2017-2020.
6. Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017.
7. Tờ trình về việc phê duyệt thù lao, tiền thưởng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2017;
8. Tờ trình về việc chấp thuận thành viên Hội đồng quản trị.
9. Tờ trình về việc phê chuẩn Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc công ty.

10. Tờ trình về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: đầu tư cải tạo, nâng cấp phát triển Cảng Quy Nhơn.

11. Tờ trình về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: thành lập và xây dựng cảng cạn (ICD) Quy Nhơn.

12. Tờ trình thông qua việc ban hành lại Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty.

+ Cách sử dụng: Trên **phiếu biểu quyết** Ban tổ chức Đại hội đã in đầy đủ những nội dung cần biểu quyết nêu trên. Tương ứng với mỗi nội dung cần biểu quyết có ba phương án biểu quyết là “Tán thành” hoặc “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến”

Sau khi Đại hội hoàn thành việc thảo luận, tiến hành biểu quyết thông qua các nội dung cần biểu quyết nêu trên. Quý cổ đông lựa chọn phương án nào thì đánh dấu “X” vào phương án đó, ký tên và bỏ **Phiếu biểu quyết** đã được đánh dấu vào thùng phiếu đặt phía trước Hội trường. Ban kiểm phiếu sẽ tiến hành kiểm phiếu và báo cáo kết quả kiểm phiếu ngay tại Đại hội.

Trường hợp thay đổi ý kiến, cổ đông ký nháy bên cạnh ô lấy ý kiến lựa chọn cuối cùng để tránh giả mạo.

Ghi chú: Phiếu biểu quyết hợp lệ là phiếu được chọn một (01) trong ba (03) phương án trên phiếu.

Phiếu biểu quyết không hợp lệ là các phiếu:

+ Phiếu biểu quyết không do Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn phát hành và không có dấu treo của Công ty;

+ Phiếu để trống mọi ô vuông lấy ý kiến hoặc điền vào nhiều hơn một ô vuông lấy ý kiến;

+ Phiếu sửa chữa, gạch xóa hoặc điền nhiều hơn một ô vuông lấy ý kiến mà không có chữ ký nháy của cổ đông bên cạnh ô vuông được đánh dấu.

+ Phiếu không có chữ ký của cổ đông.

Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban kiểm phiếu đổi phiếu bầu khác;

2. Thông qua quyết định của Đại hội cổ đông thường niên

Các vấn đề được biểu quyết trong Đại hội được thông qua khi có ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông bất thường “tán thành”.

VII. PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI

Các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội muốn phát biểu ý kiến phải tuân theo nguyên tắc và điều kiện sau:

- Được sự chấp thuận của Chủ tịch đoàn
- Nội dung phát biểu ngắn gọn, phù hợp với Chương trình Đại hội

- Nội dung đề xuất không được vi phạm pháp luật, Điều lệ Công ty, liên quan đến vấn đề cá nhân.

- Các ý kiến tham gia hoặc chất vấn được Chủ tịch đoàn tập hợp và giải đáp theo tuần tự các ý kiến tham gia trước sẽ được trả lời trước.

- Chủ tọa có quyền cắt ngang phần trình bày ý kiến của các cổ đông nếu thấy cần thiết.

VIII. TRÁCH NHIỆM CỦA ĐOÀN CHỦ TỊCH

- Thành phần: Đoàn Chủ tịch gồm 05 thành viên.

- Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch:

+ Điều hành các hoạt động của Đại Hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình đại hội đã được Đại Hội đồng cổ đông thông qua;

+ Hướng dẫn Đại hội thảo luận.

+ Trình dự thảo, kết luận những nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông biểu quyết;

+ Trả lời những nội dung do Đại hội yêu cầu;

+ Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, tiến hành Đại hội một cách hợp lệ, có trật tự và phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông, đại diện cổ đông tham dự;

+ Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu (nếu có) sẽ do Chủ tọa cuộc họp giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông.

+ Lấy biểu quyết thông qua Biên bản Đại hội và Nghị quyết đại hội.

IX. TRÁCH NHIỆM CỦA THƯ KÝ ĐẠI HỘI

- Thư ký Đại hội do Đoàn chủ tịch đề cử.

- Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua.

- Hỗ trợ Đoàn chủ tịch công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, nghị quyết của Đại hội;

- Nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ Thư ký ghi chép đầy đủ vào Biên bản Đại hội.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM PHIẾU

- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa Đại hội đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức biểu quyết. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm:

+ Xác định chính xác kết quả biểu quyết của cổ đông theo từng nội dung

+ Thông báo kết quả biểu quyết trước Đại hội sau mỗi lần biểu quyết.

+ Phát và thu **Phiếu biểu quyết** và tiến hành kiểm phiếu:

Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty biểu quyết thông qua./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

PHIẾU BIỂU QUYẾT
(Tại cuộc họp thường niên năm 2017)

Họ và tên cổ đông/ủy quyền:

Mã cổ đông/ủy quyền:

Số cổ phần có quyền biểu quyết:

CÁC NỘI DUNG BIỂU QUYẾT

- Cổ đông tán thành tất cả các nội dung biểu quyết thì đánh dấu "X" vào ô này

- Cổ đông chọn một trong ba phương án biểu quyết: "tán thành", "không tán thành" hoặc "không có ý kiến" thì đánh dấu (X) vào một trong ba ô dòng dưới của từng nội dung:

1. Báo cáo số /BC-HĐQT ngày tháng năm 2017 về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2016 và định hướng hoạt động năm 2017

Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

2. Báo cáo số /BC- BKS ngày tháng năm 2017 về hoạt động của Ban kiểm soát năm 2016 và định hướng hoạt động năm 2017

Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

3. Báo cáo số /BC- QNP ngày tháng năm 2017 về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 và kế hoạch năm 2017

Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

4. Tờ trình số /TTr-HĐQT về việc thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán; phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2016

Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

5. Tờ trình số /TTr-HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017

Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

6. Tờ trình số /TTr-HĐQT về việc phê duyệt thù lao, tiền thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2017

Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

7. Tờ trình số /TTr-HĐQT về việc chấp thuận thành viên Hội đồng quản trị

Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

8. Tờ trình số /TTr-HĐQT về việc phê chuẩn Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty.

Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

9. Tờ trình số /TTr-HĐQT về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: đầu tư cải tạo, nâng cấp phát triển Cảng Quy Nhơn

Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

10. Tờ trình số /TTr-HĐQT về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: thành lập và xây dựng cảng cạn (ICD) Quy Nhơn.

Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

11. Tờ trình số /TTr-HĐQT về việc Thông qua ban hành lại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn.

Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

Quy Nhơn, ngày 22 tháng 4 năm 2017

CÓ ĐỒNG/ĐẠI DIỆN CÓ ĐỒNG

(Ký tên, ghi rõ họ tên)



DỰ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Quy Nhơn, ngày 22 tháng 4 năm 2017

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN NĂM 2017

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Căn cứ Luật doanh nghiệp 2014 số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn ngày 22/4/2017,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo số /BC-HĐQT ngày tháng năm 2017 về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2016 và định hướng hoạt động năm 2017, với tỷ lệ biểu quyết tán thành là tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 2. Thông qua Báo cáo số /BC- BKS ngày tháng năm 2017 về hoạt động của Ban kiểm soát năm 2016 và định hướng hoạt động năm 2017, với tỷ lệ biểu quyết tán thành là tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 3. Thông qua Báo cáo số /BC- QNP ngày tháng năm 2017 về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 và kế hoạch năm 2017, với tỷ lệ biểu quyết tán thành là tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 4. Thông qua Tờ trình số /TTr-HĐQT về việc thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán; phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2016, với tỷ lệ biểu quyết tán thành là tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 5. Thông qua Tờ trình số /TTr-HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017, với tỷ lệ biểu quyết tán thành là tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 6. Thông qua Tờ trình số /TTr-HĐQT về việc phê duyệt thù lao, tiền thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2017, với tỷ lệ biểu quyết tán thành là tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 7. Thông qua Tờ trình số /TTr-HĐQT về việc chấp thuận thành viên Hội đồng quản trị, với tỷ lệ biểu quyết tán thành là tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 8. Thông qua Tờ trình số /TTr-HĐQT về việc phê chuẩn Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty, với tỷ lệ biểu quyết tán thành là tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 9. Thông qua Tờ trình số /TTr-HĐQT về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: đầu tư cải tạo, nâng cấp phát triển Cảng Quy Nhơn, với tỷ lệ biểu quyết tán thành là tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 10. Thông qua Tờ trình số /TTr-HĐQT về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: thành lập và xây dựng cảng cạn (ICD) Quy Nhơn, với tỷ lệ biểu quyết tán thành là tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 11. Thông qua Tờ trình số /TTr-HĐQT về việc Thông qua ban hành lại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn, với tỷ lệ biểu quyết tán thành là tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 12. Điều khoản thi hành.

12.1. Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị căn cứ các mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, tổ chức thực hiện Nghị quyết này phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

12.2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn năm 2017 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22/4/2017.

12.3. Nghị quyết này đã được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn năm 2017, với tỷ lệ biểu quyết tán thành là% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

Nơi nhận:

- Cổ đông công ty;
- TV HĐQT, BKS Công ty;
- Tổng GD, Các Phó TGĐ cty;
- Các đơn vị trực thuộc công ty;
- Công bố thông tin;
- Lưu: VT, TCHC, HĐQT.

Lê Hồng Thái

Số: 10 /BC-HĐQT

Bình Định, ngày 31 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2016
VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2017

Kính thưa Quý vị cổ đông!

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn xin trân trọng báo cáo với Đại hội tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị, kết quả hoạt động SXKD của Công ty năm 2016 và định hướng hoạt động trong năm 2017, với nội dung cụ thể như sau:

I. Tình hình tổ chức, hoạt động của Hội đồng quản trị:

1. Tổ chức của Hội đồng quản trị:

Ngày 22 tháng 4 năm 2016, Công ty tổ chức Đại hội cổ đông thường niên và bầu bổ sung Ông Trình Trung Thành làm thành viên Hội đồng quản trị để đảm bảo số lượng theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty. Đến tháng 7 năm 2016, Ông Trần Tuấn Nghĩa là thành viên HĐQT đã có đơn xin từ chức thành viên HĐQT nên Công ty đã bầu bổ sung Ông Trần Duy Tùng tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị; Trong quá trình hoạt động trong HĐQT do nhiều lý do không thể tiếp tục điều hành trong HĐQT, ngày 22 tháng 9 năm 2016 cá nhân ông Trình Trung Thành đã có đơn xin từ chức thành viên Hội đồng quản trị vì vậy đến ngày 01 tháng 10 năm 2016, Hội đồng quản trị công ty tiếp tục bầu Ông Trình Văn Nhất tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị. Hiện nay Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn có 05 thành viên gồm các ông, bà sau:

1. Ông Lê Hồng Thái- Chủ tịch Hội đồng quản trị.
2. Ông Hoàng Quách Việt- Thành viên Hội đồng quản trị.
3. Bà Trần Thị Quỳnh Yên- Thành viên Hội đồng quản trị.
4. Ông Trình Văn Nhất – Thành viên Hội đồng quản trị tạm thời.
5. Ông Trần Duy Tùng – Thành viên Hội đồng quản trị tạm thời.

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

2.1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

Tính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016 Hội đồng quản trị tổ chức họp và lấy ý kiến bằng văn bản. Các phiên họp đều được chuẩn bị chu đáo và tiến hành hết sức nghiêm túc, đảm bảo thời lượng và chất lượng. Nội dung các cuộc họp đều mang tính thời sự và thiết thực kịp thời định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong các phiên họp, các thành viên Hội đồng quản trị đều thể hiện tinh thần trách nhiệm cao. Một số phiên họp căn cứ vào tính chất và nội dung từng cuộc họp có mời Trưởng ban kiểm soát tham dự. Ngoài ra, Hội đồng quản trị cũng thường xuyên trao đổi, thảo luận giữa

các thành viên, cùng phối hợp giải quyết các vấn đề phát sinh ngoài các lần họp chính thức. Cụ thể các thành viên Hội đồng quản trị đã tham dự họp/cho ý kiến biểu quyết như sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp/ cho ý kiến biểu quyết tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do
1	Ông Lê Hồng Thái	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	22/10/2015	16/16	100%	Chủ tịch HĐQT
2	Bà Trần Thị Quỳnh Yên	Thành viên HĐQT	22/10/2015	16/16	100%	TV HĐQT
3	Ông Hoàng Quách Việt	Thành viên HĐQT	22/10/2015	16/16	100%	TV HĐQT
4	Ông Trịnh Văn Nhất	Thành viên HĐQT	01/10/2016	1/1	100%	Bầu bổ sung tạm thời TV HĐQT
5	Ông Trần Duy Tùng	Thành viên HĐQT	19/07/2016	2/2	100%	Bầu bổ sung tạm thời TV HĐQT
6	Ông Trần Tuấn Nghĩa	Nguyên Thành viên HĐQT	07/07/2016	14/14	100%	Từ chức TV HĐQT
7	Ông Trịnh Trung Thành	Nguyên Thành viên HĐQT	22/09/2016	6/6	100%	Từ chức TV HĐQT

2.2. Các nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị :

Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị trước khi ban hành đều được ý kiến tán thành của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định. Về cơ bản Hội đồng quản trị đã quyết định các chủ trương, chiến lược, giải pháp kinh doanh của Công ty phù

hợp với chủ trương chính sách của Nhà nước và tình hình kinh tế khu vực, để Công ty hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu được giao.

Theo quy định đối với tổ chức niêm yết, định kỳ 06 tháng, 01 năm Hội đồng quản trị đã có báo cáo quản trị gửi UBCK, các sở GDCK và cổ đông (Quý cổ đông có thể xem báo cáo này tại Website Công ty). Qua đó nâng cao tính minh bạch trong hoạt động quản trị Công ty, đồng thời giúp cho cổ đông nắm rõ được tình hình hoạt động của công ty.

3. Kết quả giám sát đối với Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác:

Bên cạnh công tác quản lý, chỉ đạo, hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với hoạt động của Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác cũng được tăng cường, đảm bảo cho hoạt động của Công ty tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty, triển khai đúng theo Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

a. Đối với Ban Tổng giám đốc:

- Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc đều có trình độ, năng lực và phẩm chất, được đào tạo đầy đủ về chuyên môn, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành.

- Tổng giám đốc có phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các Phó Tổng giám đốc. Định kỳ hàng tháng hoặc đột xuất tổ chức họp giao ban để đánh giá kết quả thực hiện công tác và giao kế hoạch công tác tháng đến.

- Ban Tổng giám đốc đã triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty phù hợp với Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và tuân thủ đúng Điều lệ công ty, quy định của Pháp luật.

- Ban Tổng giám đốc nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn của Công ty nên đã linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đã ban hành các văn bản tài liệu nội bộ theo thẩm quyền nhiệm kiểm soát có hiệu quả mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thực hiện tốt vai trò kiểm soát rủi ro ngay từ Ban điều hành và các quản lý cấp trung.

- Đã tổ chức thực hiện hơn 550 hợp đồng kinh tế về xếp dỡ hàng hóa, tàu lai, vận chuyển, lưu kho, bãi. Kê khai lại giá dịch vụ cảng biển về xếp dỡ, kho bãi, tàu lai. Tổ chức chương trình tri ân khách hàng năm 2016; rà soát, bổ sung quy định về hoa hồng môi giới, xây dựng quy định chiết khấu thương mại. Xây dựng và thực hiện quy định kiểm soát trọng tải phương tiện và xử lý các trường hợp gian lận tải trọng.

- Triển khai phương án marketing năm 2016. Đẩy mạnh, tăng cường công tác marketing thu hút khách hàng mới như: Công ty CP Năng lượng Thiện Minh (viên gỗ nén), Công ty TNHH SX và TM Gia Đạt (gỗ tròn), Công ty TNHH Air Sea International Logistic (giấy A4 đóng pallet), Công ty Vicem Hải Vân (xi măng rời); Công ty TNHH XNK và TM Phương Hải Anh (thuốc lá thùng).v.v...năm 2016 có thêm mặt hàng mới là cát vàng rời của Công ty TNHH Lê Gia; chủ động cung cấp dịch vụ khi có nhu cầu làm hàng tại khu vực Quy Nhơn như Việt Sun, China Shipping.

- Tổ chức thăm, tìm hiểu các nguồn hàng xuất nhập khẩu bằng container lạnh (thỏ sản, thủy sản), hướng đến đa dạng hóa nguồn hàng xuất nhập khẩu bằng container thông qua Cảng Quy Nhơn. Thu hút hãng tàu SITC mở tuyến dịch vụ mới tại Cảng Quy Nhơn khai thác cả container hàng khô và container hàng lạnh; Hãng tàu nội địa VOSCO mở tuyến dịch vụ vận tải container nội địa định tuyến.

- Triển khai thực hiện cân hàng container theo công ước Solas; xúc tiến khách hàng chuyển dịch hàng rời sang container.

- Theo dõi, quan hệ khách hàng chi tiết theo từng mặt hàng để chủ động trong việc mời chào khách hàng về làm tại cảng, từng bước xây dựng kênh theo dõi tàu nội địa để chủ động bố trí tàu khi tàu đến khu vực Quy Nhơn.

- Xây dựng, kê khai lại giá dịch vụ cảng biển về xếp dỡ, kho bãi, tàu lai. Đánh giá năng lực, hiệu quả của các dịch vụ đang triển khai và chưa triển khai. Xây dựng và thực hiện quy định kiểm soát trọng tải phương tiện và các trường hợp gian lận thương mại.

- Chất lượng dịch vụ của Công ty luôn ổn định và có chất lượng cao, được khách hàng tin nhiệm.

- Thực hiện tốt các chính sách tiền lương, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động.

- Chấp hành tốt các quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty trong quá trình điều hành công ty.

b. Đối với cán bộ quản lý các phòng, đơn vị trực thuộc:

- Lãnh đạo các phòng, đơn vị trực thuộc đã thực hiện tốt chức trách, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; các nhiệm vụ do ban Tổng giám đốc triển khai đều được các phòng, đơn vị trực thuộc thực hiện tốt.

- Tập thể người lao động trong công ty luôn nêu cao tinh thần đoàn kết, thực hiện tốt chủ trương thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; nỗ lực phấn đấu, vượt qua khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, góp phần vào thành công chung của công ty.

c. Đối với người đại diện phần vốn tại doanh nghiệp khác:

Người đại diện phần vốn của Công ty tại Công ty cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn, Công ty cổ phần Công nghiệp dịch vụ Hàng hải đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, tuân thủ các quy định của Pháp luật và Nhà nước.

4. Thù lao của Hội đồng quản trị:

Các thành viên Hội đồng quản trị đã nhận thù lao năm 2016 theo phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 cụ thể :

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao
1	Lê Hồng Thái	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	48.000.000
2	Trần Thị Quỳnh Yên	Thành viên HĐQT	30.000.000
3	Hoàng Quách Việt	Thành viên HĐQT	30.000.000
4	Trình Văn Nhất	Thành viên HĐQT	7.500.000
5	Trần Duy Tùng	Thành viên HĐQT	13.500.000
6	Trình Trung Thành	Nguyên Thành viên HĐQT	12.500.000
7	Trần Tuấn Nghĩa	Nguyên Thành viên HĐQT	16.590.000

II. Tình hình sản xuất kinh doanh của công ty năm 2016:

Năm 2016, Công ty đã áp dụng đồng loạt nhiều biện pháp quản trị, đầu tư máy móc thiết bị nhằm tăng năng suất lao động, tiết kiệm và sử dụng tối ưu các chi phí để tạo điều kiện tăng lợi nhuận của công ty. Trong bối cảnh kinh tế thế giới và khu vực chưa có dấu hiệu phục hồi tốt, nền kinh tế Việt Nam đặc biệt là các doanh nghiệp xuất nhập khẩu lại bị ảnh hưởng xấu do tình hình kinh tế suy giảm mạnh. Sản lượng hàng hóa thông qua Cảng vì thế bị ảnh hưởng giảm sút mạnh. Bên cạnh đó, năm 2016 nhà nước vẫn triển khai việc kiểm soát vận tải đúng tải trọng thường xuyên nên cũng đã ảnh hưởng đến giá thành vận chuyển hàng hóa của chủ hàng, gây thiếu phương tiện vận chuyển ảnh hưởng đến công tác vận chuyển hàng hóa xuất nhập qua Cảng. Tuy nhiên nhờ có sự chủ động và nhận định được tình hình nên Hội đồng quản trị và Ban điều hành công ty đã điều hành hoạt động sản xuất của công ty đạt các chỉ tiêu được đại hội đồng cổ đông giao, cụ thể:

Các chỉ tiêu chính thực hiện năm 2016

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2015	Kế hoạch năm 2016	Thực hiện năm 2016	Tỷ lệ thực hiện năm 2016/kế hoạch (%)	Tỷ lệ thực hiện năm 2016/cùng kỳ (%)
1	Tổng sản lượng quy đổi	Tấn	7.587.980	7.020.000	7.047.628	100,39	92,87
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng	528.000	490.968	505.000	103	96
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	104.573	65.462	80.500	123	77
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Tr.đồng	2.032	1.296	1.646	127	81

- Sản lượng hàng hóa thông qua cảng đạt 7.074.628 tấn TQ, bằng 92,87% so với năm 2015, tăng nhẹ so với kế hoạch 2016, trong đó sản lượng container đạt 96.892 teus, tăng 2,3% so với năm 2015, bằng 93,2% so với kế hoạch 2016.

- Tổng doanh thu đạt 505 tỷ đồng, bằng 96% so với cùng kỳ, tăng 3% so với kế hoạch, trong đó doanh thu kinh doanh dịch vụ 480 tỷ đồng, bằng 93% so với cùng kỳ, tăng 1,05% so với kế hoạch.

- Lợi nhuận trước thuế đạt 80,5 tỷ đồng, bằng 77,4% so với cùng kỳ, tăng 23,8% so với kế hoạch.

- Nộp ngân sách đạt trên 41 tỷ đồng, tương đương so với cùng kỳ.

Năm 2016 Công ty đã áp dụng đồng loạt nhiều biện pháp quản trị, tinh gọn bộ máy quản lý, đầu tư máy móc thiết bị nhằm tăng năng suất lao động, tiết kiệm và sử dụng tối ưu các chi phí để tạo điều kiện tăng lợi nhuận của công ty.

III. Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị trong năm 2017:

Theo nhận định 2017 tình hình kinh tế trong nước và khu vực sẽ thuận lợi hơn năm 2016, tuy nhiên vẫn còn nhiều khó khăn thách thức. Hội đồng quản trị sẽ cùng với Ban Tổng giám đốc và tập thể CB-CNV nỗ lực phấn đấu trong công tác quản trị và điều

hành doanh nghiệp để hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao trong năm 2017 với kế hoạch và định hướng sau:

1. Nắm bắt chặt chẽ, theo sát diễn biến thị trường để có những giải pháp linh hoạt, ứng phó kịp thời với tình hình, đưa ra những định hướng phát triển đúng đắn, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

2. Tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo, giám sát hoạt động của Công ty trên mọi lĩnh vực; đảm bảo thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 đã thông qua.

3. Tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý của công ty nhằm đáp ứng yêu cầu về quản trị doanh nghiệp của Công ty đại chúng; chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của công ty.

4. Xem xét đánh giá kỹ các dự án đầu tư, xây dựng cơ bản trước khi triển khai nhằm đảm bảo tính hiệu quả của việc thực hiện dự án, phát huy tốt nhất việc sử dụng đồng vốn. Chỉ đạo các bộ phận chuyên môn thực hiện công tác mời thầu, đấu thầu, chấm thầu đúng quy định Nhà nước; quản lý chặt chẽ quá trình triển khai thi công của nhà thầu nhằm đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng, để đưa công trình vào sử dụng đúng mục đích.

5. Có kế hoạch phân kỳ đầu tư dự án mở rộng và phát triển Cảng Quy Nhơn giai đoạn 2020 -2030, tầm nhìn sau năm 2030 đã được cấp trên phê duyệt nhằm đáp ứng nhu cầu hàng hóa thông qua Cảng trong thời gian đến.

6. Tiếp tục hoàn thiện, ban hành mới các quy chế, quy định làm cơ sở cho công tác chỉ đạo điều hành và quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Chú trọng xem xét giá thành các dịch vụ nhằm có chiến lược kinh doanh hiệu quả.

7. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách tiền lương để người lao động được trả lương tương xứng với công sức và trình độ; đảm bảo thu hút và giữ được người lao động có trình độ chuyên môn tay nghề cao.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động năm 2016 và định hướng hoạt động năm 2017 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Số: *27* BC-BKS

Quy Nhơn, ngày *21* tháng *3* năm 2017

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2016
VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2017**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại điều 165 của Luật Doanh nghiệp năm 2014 và điều 33 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông tình hình thực hiện công tác kiểm soát tại Công ty trong năm 2016 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Thực hiện giám sát việc quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, giám sát việc chấp hành điều lệ Công ty các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao;

- Thực hiện kiểm soát công tác tài chính kế toán, lập báo cáo và thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo sản xuất kinh doanh, tình hình quản trị công nợ.

- Sau mỗi cuộc kiểm soát đều có Biên bản làm việc của Ban kiểm soát ghi nhận tình hình hoạt động của công ty và các ý kiến, kiến nghị của Ban kiểm soát nhằm đảm bảo quyền lợi của Cổ đông và tăng cường quản trị nội bộ công ty.

- Trong năm 2016, Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của Cổ đông hoặc của cán bộ công nhân viên lao động Công ty về sai phạm của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và cán bộ quản lý Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

- Trong quá trình thực thi nhiệm vụ, Ban kiểm soát đã được Hội đồng quản trị, Ban điều hành của Công ty tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ.

**II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ CÔNG TY**

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị đã giám sát chặt chẽ và chỉ đạo kịp thời Ban Tổng giám đốc trong hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh, giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã được thông qua.

- Các Nghị quyết của HĐQT đã ban hành đúng với chức năng, quyền hạn và phù hợp Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, hoàn toàn tuân thủ theo điều lệ công ty, luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật.

- Hội đồng quản trị cũng đã quyết liệt chỉ đạo Ban điều hành và các bộ phận chuyên môn xây dựng, bổ xung các quy trình, quy chế hoạt động của công ty các lĩnh vực để quản trị doanh nghiệp cũng như để xây dựng và nâng cao thương hiệu của Công ty.

- Hội đồng quản trị đã tiến hành họp hoặc lấy ý kiến các thành viên theo quy định để thông qua các nội dung kịp thời cho hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư, công tác nhân sự của Công ty.

2. Hoạt động của Ban điều hành Công ty

- Ban điều hành Công ty đã triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các Quyết định, Nghị quyết của Hội đồng quản trị, luôn bám sát Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông, thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty; chủ động lập kế hoạch quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh; phát huy hiệu quả bộ máy tổ chức và quản lý của Công ty.

- Hàng tháng Ban điều hành Công ty đều tổ chức các cuộc họp để kiểm điểm việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của các đơn vị trong toàn Công ty, đồng thời đưa ra những chỉ đạo, chấn chỉnh và biện pháp khắc phục những tồn tại, thiếu sót trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Trong năm 2016 Ban kiểm soát không phát hiện điều gì bất thường trong công tác quản lý, điều hành, không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của cổ đông về sai phạm của Hội đồng quản trị, ban tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác trong công ty.

III. MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NĂM 2016

1. Các chỉ tiêu cơ bản như sau:

DVT: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
1	Tai sản ngắn hạn	192.553.400.186	160.651.252.824
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	33.121.165.445	52.653.478.625
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	69.000.000.000	13.000.000.000

3	Các khoản phải thu ngắn hạn	83.567.764.641	87.865.320.899
4	Hàng tồn kho	6.436.810.853	6.199.225.493
5	Tài sản ngắn hạn khác	427.659.247	933.227.807
II	Tài sản dài hạn	361.447.513.020	375.072.941.138
1	Các khoản phải thu dài hạn	168.000.000	269.200.000
2	Tài sản cố định	224.527.925.842	235.852.077.939
3	Tài sản dở dang dài hạn	1.157.616.364	10.713.305.187
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	127.075.920.000	128.075.920.000
5	Tài sản dài hạn khác	8.518.050.814	162.438.012
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	554.000.913.206	535.724.193.962
I	Nợ phải trả:		
	- Nợ ngắn hạn	48.422.504.150	44.313.779.359
	- Nợ dài hạn	0	0
II	Vốn chủ sở hữu	505.578.409.056	491.410.414.603
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	404.099.500.000	404.099.500.000
2	Quỹ đầu tư phát triển	4.525.265.662	4.525.265.662
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	96.953.643.394	82.785.648.941
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	554.000.913.206	535.724.193.962
III	Khả năng thanh toán		
1	Khả năng thanh toán nhanh	3.84 Lần	3.49 Lần
2	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	3.98 Lần	3.63 Lần
3	Khả năng thanh toán hiện hành	11.44 Lần	12.09 Lần
IV	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/tổng tài sản	14.53 %	19.52 %
V	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ tổng tài sản	12.01 %	15.32 %
VI	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.646	2.032

2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

* *Tình hình tài chính:*

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2015
Tổng giá trị tài sản	554.000.913.206	535.724.193.962

Doanh thu thuần	480.134.506.644	517.504.519.714
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	73.561.124.707	103.321.158.410
Lợi nhuận khác	6.942.301.383	1.252.084.825
Lợi nhuận trước thuế	80.503.426.090	104.573.243.235
Lợi nhuận sau thuế	66.523.166.139	82.094.683.734

*** Về công tác quản lý tài chính**

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 của Công ty được thể hiện đầy đủ, rõ ràng trong báo cáo tài chính. Sổ sách kế toán rõ ràng, minh bạch, việc tính toán, ghi chép hạch toán các số liệu trong báo cáo phản ánh trung thực, đúng nguyên tắc, việc luân chuyển, sử dụng, lưu trữ bảo quản chứng từ hợp pháp, hợp lệ.

- Công tác kế toán được thực hiện phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp luật có liên quan.

- Đã quyết toán và kiểm toán độc lập báo cáo tài chính năm 2016 theo đúng quy định của Nhà nước, Nghị quyết của Hội đồng quản trị và theo đúng chuẩn mực kế toán hiện hành.

IV. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017

Giám sát các hoạt động tại Công ty trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên đề ra .

Giám sát việc chấp hành điều lệ, Nghị quyết của Hội đồng quản trị các nghị quyết, quyết định, quy chế của Công ty.

Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

Thực hiện công tác thẩm định báo cáo tài chính hàng tháng, quý, năm

Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư mua sắm của Công ty.

Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát tại Công ty và các đơn vị trực thuộc.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Tăng cường công tác quản trị, điều hành tạo điều kiện để Công ty phát triển ổn định, đạt và vượt mức các chỉ tiêu tài chính Đại hội cổ đông giao, đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa cho Công ty và của cổ đông.

2. Đẩy mạnh công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, xây dựng chính sách cán bộ và luân chuyển cán bộ hợp lý, phù hợp với hiện tại và yêu cầu phát triển của Công ty.

3. Tăng cường công tác quản trị công nợ có hiệu quả.

Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình thực hiện công tác kiểm tra, giám sát năm 2016 và kế hoạch hoạt động năm 2017.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua!

Nơi nhận

- Nhu trên;
- HĐQT(B/c);
- Lưu VT,BKS.



Số: 278 /BC-QNP

Quy Nhơn, ngày 31 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO

**V/v: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016
và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 28 tháng 10 năm 2013;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017, cụ thể như sau:

I. Đánh giá chung

Năm 2016 kinh tế trong nước nói chung, khu vực các tỉnh Nam Trung Bộ - Tây Nguyên, trong đó có Bình Định nói riêng, có những khó khăn nhất định: do tác động ảnh hưởng từ sự phục hồi chậm của kinh tế thế giới và khu vực, khí hậu biến đổi nắng nóng, hạn hán, lũ lụt kéo dài; thị trường giá cả hàng hóa, nguyên nhiên vật liệu sản xuất trong và ngoài nước luôn biến động bất thường; môi trường kinh doanh cạnh tranh phức tạp... đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ của khu vực, trong đó có Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn.

Công ty đã chủ động trong khai thác thị trường và định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh. Tích cực tiếp thị nguồn hàng, tàu hàng, xây dựng kế hoạch tác nghiệp cầu bến, bố trí lao động hợp lý để khai thác tốt năng lực hạ tầng hiện có, nâng cao năng suất lao động và giải phóng tàu nhanh.

Đầu tư hạ tầng, phương tiện thiết bị phù hợp với thực tế sản xuất, xây dựng phương án xếp dỡ phù hợp; thường xuyên cải tiến quy trình sản xuất, thiết bị, công cụ bốc xếp để nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí, nhằm khai thác hiệu quả các nguồn hàng và xu hướng tiếp nhận các tàu hàng trọng tải từ 30.000 DWT trở lên.

Các quy chế, quy định nội bộ được ban hành kịp thời; điều chỉnh định mức nhiên liệu tiêu thụ của phương tiện thiết bị, kiểm soát chặt chẽ chi phí quản lý, tiết kiệm chi phí trong hoạt động đầu tư xây dựng, vv...

II. Kết quả hoạt động SXKD năm 2016.

1. Thực hiện các chỉ tiêu SXKD chính.

Thực hiện Nghị quyết số 45/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2016 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.

Căn cứ Nghị quyết số 95/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/12/2016 nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua điều chỉnh kế hoạch kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016. Kết quả thực hiện cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2016	Thực hiện năm 2016	Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch năm 2016 (%)	Tỷ lệ thực hiện năm 2016/2015 (%)
1	Tổng sản lượng quy đổi	Tấn	7.020.000	7.074.628	100,78	93,23
	<i>Trong đó: hàng container</i>	<i>Teus</i>	<i>104.000</i>	<i>96.892</i>	<i>93,16</i>	<i>102,25</i>
-	Hàng xuất khẩu	Tấn	4.316.958	4.402.602	101,98	91,05
-	Hàng nhập khẩu	Tấn	1.037.938	965.053	92,98	82,01
-	Hàng nội địa	Tấn	1.665.104	1.706.973	102,51	108,33
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng	490.968	503.885	102,63	95,45
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	65.462	80.503	122,98	76,98
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	52.369	66.523	127,03	82,03
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	1.296	1.646	127,01	81,00

Năm 2016, hoạt động của các doanh nghiệp sản xuất tại khu vực tiếp tục gặp nhiều khó khăn. Các mặt hàng truyền thống có sản lượng lớn như: dăm gỗ, sản lát xuất khẩu chỉ đạt 91% so cùng kỳ do giá xuất khẩu giảm và bị áp thuế xuất khẩu 2%; gỗ cây nhập khẩu bằng 70%, gia súc (con bò) bằng 12% so với cùng kỳ. Hàng nội địa như xi măng, than, phân bón, klinke đạt từ 70-85% so với cùng kỳ. Thị trường sản xuất hàng hóa chưa phát triển, các cảng trong khu vực liên tục giảm giá, cạnh tranh để lôi kéo khách hàng.

Tuy nhiên, với việc kết hợp nhiều chính sách hợp lý để thu hút nguồn hàng, áp dụng linh hoạt các giải pháp hỗ trợ khách hàng, mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ, nâng cấp kỹ thuật và công bố các cầu tàu để đón tàu trọng tải trên 30.000DWT, sắp xếp lại tổ chức sản xuất, đầu tư mới và cải tiến thiết bị, quy trình sản xuất, vv... nên công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch, cụ thể:

- Sản lượng hàng hóa thông qua cảng đạt 7.074.628 tấn TQ, bằng 93,2% so với năm 2015, tăng nhẹ so với kế hoạch 2016, trong đó sản lượng container đạt 96.892 teus, tăng 2,3% so với năm 2015, đạt 93,2% so với kế hoạch 2016.

- Tổng doanh thu đạt 504 tỷ đồng, đạt 96% so với cùng kỳ, tăng 3% so với kế hoạch, trong đó doanh thu kinh doanh dịch vụ 480 tỷ đồng, đạt 93% so với cùng kỳ, tăng 1,05% so với kế hoạch.

- Lợi nhuận trước thuế đạt 80,5 tỷ đồng, bằng 77,4% so với cùng kỳ, tăng 23,8% so với kế hoạch.

2. Kết quả hoạt động đầu tư

Trong năm 2016, thực hiện đầu tư đạt giá trị 48,6 tỷ đồng với các hạng mục chính:

- Hoàn thành sửa chữa, gia cố, kiểm định cầu tàu số 2, số 3; Hệ thống điện hạ áp 2.000KVA; hoàn thành đầu tư mới 01 hệ thống băng tải dăm gỗ công suất 400 tấn/giờ; 01 xe cầu bánh xích 100 tấn, xe đào, xe xúc; Hệ thống camera giám sát khu vực cảng, tổng đài điện thoại nội bộ.

- Hoàn thành đầu tư một số thiết bị, công cụ nhằm tăng năng suất lao động như: 07 gầu ngoạm tự động loại 5m³; 01 phễu rót hàng rời 22 m³; 01 khung chụp container chuyên dùng; gia công chế tạo 04 phễu rót hàng rời 10 m³.v.v...

- Triển khai thủ tục nạo vét khu nước trước bến; lập hồ sơ xây dựng cảng ICD; quy hoạch, mở rộng bãi chứa container... Triển khai đầu tư hệ thống thông tin quản lý điều hành khai thác cảng.

Kết quả hoạt động đầu tư được thể hiện qua bảng sau:

TT	Nội dung đầu tư	ĐVT	Năm 2016		
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ %
1	Xây dựng cơ bản	Triệu đồng	117.000	16.000	13,67
2	Phương tiện thiết bị, phần mềm	Triệu đồng	194.656	32.697	16,79
	Tổng cộng		311.656	48.697	15,62

Trong quá trình thực hiện kế hoạch năm 2016, xét thấy sản lượng hàng hóa thông qua Cảng Quy Nhơn có chiều hướng đạt mức thấp hơn kế hoạch đề ra đầu năm; để tối ưu hóa dòng tiền, Ban Tổng Giám đốc đã đề nghị và được Hội đồng quản trị chấp thuận tạm hoãn triển khai đầu tư các hạng mục : Cầu cầu bờ di động 100 tấn (80 tỷ đồng), dự án bãi 6,8ha (giai đoạn I: san lấp tạo bãi) (88 tỷ đồng), đầu tư 40 xe chờ hàng 21,5 tấn (60 tỷ đồng), dự án mua sắm, sửa chữa, nâng cấp tàu lai dắt (11 tỷ đồng), dự án đầu tư 01 hệ thống băng tải gỗ dăm 400t/h (dây chuyền 2) (10,4 tỷ đồng); do vậy giá trị đầu tư chỉ đạt 15,6 % so với kế hoạch. một số hạng mục xây dựng chuyển tiếp từ 2016 tiếp tục được thực hiện trong năm 2017.

II. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017

1. Đánh giá tình hình

Năm 2017, tình hình kinh tế thế giới dự báo sẽ tiếp tục diễn biến tương đối phức tạp, có thể tăng trưởng cao hơn năm 2016 nhưng vẫn không đồng đều và còn nhiều rủi ro.

Trong nước, theo dự báo tăng trưởng kinh tế của năm 2017 sẽ khởi sắc hơn do Chính phủ thực hiện tái cơ cấu nền kinh tế, cải cách thể chế, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh. Bên cạnh đó, Việt Nam tham gia hiệp định thương mại tự do thế hệ mới TPP, FTA... sẽ làm thay đổi đáng kể môi trường, chính sách về đầu tư, kinh doanh, thị trường hàng hóa xuất nhập khẩu trong và ngoài nước.

Theo quy hoạch, vùng kinh tế trọng điểm miền Trung sẽ trở thành khu vực phát triển năng động với tốc độ nhanh và bền vững và là vùng động lực phát triển cho toàn vùng Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung; là cửa ngõ ra biển quan trọng của các tỉnh vùng Tây Nguyên, khu vực tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam và tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây. Tại Bình Định hạ tầng giao thông kết nối Cảng Quy Nhơn, các khu kinh tế, cụm công nghiệp được nâng cấp, dần hoàn thiện như QL19A, B, C, Quốc lộ 1D, cao tốc Vân Canh, các tuyến tỉnh lộ... tạo thuận lợi phát triển cho lưu thông hàng hóa khu vực Cảng Quy Nhơn.

Về tình hình thị trường: hàng nông sản xuất khẩu tiếp tục gặp khó khăn do phụ thuộc quá lớn vào thị trường Trung Quốc, và cạnh tranh mạnh về giá từ Thái Lan nên sản lượng hàng nông sản xuất khẩu dự báo sẽ không tăng so với năm 2016. Hàng dăm gỗ xuất khẩu tiếp tục bị áp thuế 2%, đồng thời lượng hàng đã phát triển gần như đến điểm bão hòa nên lượng hàng thông qua cảng sẽ không tăng và trong xu hướng đến năm 2030 sẽ giảm, do chính sách xuất nguyên liệu thô không còn được xem xét hỗ trợ; hàng bò giống, gỗ nhập khẩu giảm; hàng viên gỗ nén, thức ăn gia súc tăng do các doanh nghiệp mở rộng quy mô hoạt động; hàng xi măng rời tăng do nhà máy đóng bao Vissai và Vicem đi vào hoạt động;

hàng tinh bột, phân bón nội địa tăng mạnh. Hàng Container chưa có nhiều động thái nên sản lượng thông qua cảng sẽ không có sự tăng trưởng đột biến.

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017

Trên cơ sở dự báo và đánh giá tình hình, các chỉ tiêu chính của năm 2017 như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch năm 2017	Tỷ lệ Kế hoạch 2017/Thực hiện 2016 (%)
I	Sản lượng thông qua	Tấn	7.074.628	7.515.000	106,22
	<i>Trong đó: hàng container</i>	<i>Teus</i>	<i>96.892</i>	<i>105.000</i>	<i>108,37</i>
-	Hàng xuất khẩu	Tấn	4.402.602	4.392.610	99,77
-	Hàng nhập khẩu	Tấn	965.053	1.101.487	114,14
-	Hàng nội địa	Tấn	1.706.973	2.020.903	118,39
II	Tổng doanh thu	Triệu đồng	503.885	524.099	104,01
1	Doanh thu kinh doanh	Triệu đồng	480.139	513.021	106,85
a	Doanh thu khai thác cảng	Triệu đồng	357.644	382.182	106,86
b	Doanh thu dịch vụ cảng	Triệu đồng	122.494	130.839	106,81
2	Các khoản thu nhập khác	Triệu đồng	23.746	11.078	46,65
III	Tỷ lệ chi phí trên doanh thu	%	84,02	82,78	98,52
IV	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	80.503	90.230	112,08
V	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	66.523	72.184	108,51
VI	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	1.646	1.786	108,51

3. Kế hoạch đầu tư năm 2017

Căn cứ tình hình thực tế và yêu cầu cấp thiết phục vụ sản xuất, Công ty xây dựng kế hoạch đầu tư cơ sở hạ tầng, phương tiện thiết bị, như sau:

Đơn vị: triệu đồng

TT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch năm 2017	Ghi chú
I	Dự án đầu tư xây dựng cơ bản	455.100	249.500	
1	Nạo vét khu nước trước bến	7.600	6.000	Phụ thuộc xin phép điếm đo, khai thác (chuyển tiếp từ năm 2016)
2	Sửa chữa cầu tàu số 4	4.000	3.000	
3	Đầu tư bãi Bê tông 7,700 m ²	3.600	3.600	
4	Đầu tư bãi Bê tông 4,800 m ²	1.800	1.800	
5	Nâng cấp bãi bê tông 2,000 m ²	600	600	
6	Nâng cấp khu vực công cảng sản xuất	5.000	5.000	
7	Hợp tác xây kho thức ăn gia súc (5.000m ²)	20.000	20.000	Phụ thuộc hình thức hợp tác hai bên.
8	Đầu tư nâng cấp hệ thống điện phục vụ sản xuất.	10.000	7.000	
9	Đầu tư nâng cấp hệ thống CNTT phục vụ	2.500	2.500	Chuyển tiếp từ năm 2016

	khai thác.			
10	Dự án cảng ICD: (Giai đoạn I: chuẩn bị đầu tư, GPMB, san lấp...)	400.000	200.000	Chuyển tiếp từ năm 2016
II	Dự án đầu tư phương tiện thiết bị	331.400	331.400	
1	Cần trục trên bến STS phục vụ khai thác container (01 thiết bị mới hoặc 02 thiết bị đã qua sử dụng)	140.000	140.000	
2	Thiết bị khai thác container trong bãi (02 thiết bị mới hoặc 03 thiết bị đã qua sử dụng)	60.000	60.000	
3	Thiết bị khai thác hàng rời	40.000	40.000	
4	Thiết bị hút nông sản 150 tấn/h (03 cái)	6.000	6.000	
5	Đầu tư tàu lai dắt 05 cái	60.000	60.000	
6	Các thiết bị phục vụ xếp dỡ (gầu ngoạm, phểu, ngáng...)	5.000	5.000	
7	Đổi mới, thay thế các thiết bị xếp dỡ cũ	7.500	7.500	
8	Chi phí kiến thiết cơ bản khác	12.900	12.900	
	Tổng đầu tư năm 2017		573.700	

Công ty sẽ sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư tự có hoặc nguồn vốn vay thông qua việc nghiên cứu, điều chỉnh các dự án đầu tư, công trình phù hợp với thực tế sản xuất, để phục vụ tốt nhất cho hoạt động sản xuất kinh doanh của năm 2017.

4. Các giải pháp chủ yếu phấn đấu hoàn thành kế hoạch năm 2017

Để hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch của năm 2017, Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn đề ra các giải pháp chủ yếu như sau:

Tái cơ cấu tổ chức doanh nghiệp, hoàn thiện bộ máy tổ chức công ty: xây dựng lại chức năng, nhiệm vụ phù hợp, tinh gọn bộ máy, nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp; rà soát, sắp xếp tổ chức sử dụng lực lượng lao động hợp lý, đảm bảo hiệu quả trong quản lý lao động công ty.

Tiếp tục rà soát, điều chỉnh phương án tiền lương trong toàn công ty cho phù hợp điều kiện đặc thù cảng biển, đồng thời phù hợp mặt bằng thu nhập chung của khu vực.

Duy trì ổn định khách hàng, định hướng cơ cấu lại mặt hàng phù hợp, tập trung khai thác hàng rời và phát triển hàng container, dịch vụ logistics; không ngừng cải thiện chất lượng dịch vụ cho khách hàng, giải phóng tàu nhanh, ngày một nâng cao thương hiệu Cảng.

Xây dựng các kênh thông tin, mở rộng thị trường vùng hậu phương theo tuyến hành lang Đông - Tây, xây dựng chương trình kết nối Khách hàng - Cảng - Hãng tàu.

Điều chỉnh, cắt giảm một số chi phí thuê ngoài, đẩy mạnh công tác phát triển thị trường nhằm tăng trưởng về doanh thu và sản lượng.

Hợp tác liên doanh toàn diện với Công ty CP Tân Cảng Quy Nhơn để đầu tư khai thác cầu, bãi phục vụ xếp dỡ container chuyên dụng.

Liên doanh, liên kết đầu tư phương tiện vận tải bộ, phát triển thị phần vận tải bộ, tăng trưởng dịch vụ cung ứng xăng dầu.

Rà soát lại, hợp lý hóa các quy trình tác nghiệp, bốc xếp hàng hóa đảm bảo chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng.

Tổ chức bố trí, khai thác cầu bến hợp lý, giải phóng tàu nhanh, kết hợp đưa vào sử dụng công nghệ xếp dỡ nâng cao năng xuất lao động; khai thác hiệu quả hệ thống băng tải rót dầm gỗ 400 tấn/giờ; sử dụng điện thay thế nhiên liệu cho các cầu Gottwald để giảm chi phí; sử dụng thiết bị, công nghệ vào sản xuất để giảm sức lao động, tăng năng suất như phễu rót hàng rời, ngọam tự động, hệ thống hút hàng silo trong kho.v.v...

Giám sát việc thực hiện tiến độ đầu tư, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, các quy định của Công ty, kịp thời đáp ứng nhu cầu hoạt động SXKD.

Thực hiện đúng theo các quy định về chế độ, chính sách đối với người lao động.

Tăng cường kiểm tra, giám sát thực hiện công tác ATLD, ATTB, PCCC, PCBL trong khu vực cảng. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và điều hành sản xuất.

Duy trì hiệu lực của hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008.

Trên đây là báo cáo kết quả SXKD năm 2016 và kế hoạch năm 2017 của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn kính trình Đại hội đồng cổ đông.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, HĐQT.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY
CÓ PHẦN
CẢNG
QUY NHƠN
T.P. QUY NHƠN - T. BÌNH ĐỊNH

Lê Hồng Thái

TỜ TRÌNH**Về việc Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán,
Phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2016**

Kính trình : Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ Phần Cảng Quy Nhơn

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội khóa 13 nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội khóa 11 nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập công ty thông qua ngày 28/10/2013.

Căn cứ vào qui chế tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn được Hội đồng quản trị công ty thông qua ngày 01/08/2014.

Hội đồng quản trị công ty kính trình Đại hội cổ đông thông qua Báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận và chia trả cổ tức năm 2016 như sau:

I/ Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2016

1/Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016 (số liệu đã kiểm toán) so với kế hoạch

Đơn vị tính : đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch năm 2016	Tỷ lệ% so kế hoạch
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	482,135,653,617	477,418,798,453	101%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	2,001,146,973		
- Chiết khấu thương mại	3	247,189,396		
- Hàng bán bị trả lại	4	1,753,957,577		
3. Doanh thu thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	480,134,506,644	477,418,798,453	101%
4. Giá vốn hàng bán	11	352,279,511,856	359,906,068,174	98%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	127,854,994,788	117,512,730,279	109%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	15,644,450,930	9,696,702,841	161%

7. Chi phí tài chính	22	542,595,027	1,711,620,171	32%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	294,723,242		
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết	24			
9. Chi phí bán hàng	25	14,152,592,249	13,683,456,968	103%
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	55,243,133,735	53,247,346,672	104%
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30	73,561,124,707	58,567,009,310	126%
12. Thu nhập khác	31	8,106,255,664	8,886,937,363	91%
13. Chi phí khác	32	1,163,954,281	1,992,115,878	58%
14. Lợi nhuận khác (40=31-23)	40	6,942,301,383	6,894,821,485	101%
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	80,503,426,090	65,461,830,795	123%
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	13,980,259,951	13,092,366,159	107%
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	66,523,166,139	52,369,464,636	127%
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61			
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62			
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	1,646	1,296	127%
Trong đó	6000			
- Lợi ích của cổ đông thiểu số	6001			
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	6002	1,646	1,296	127%
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71			

2/ Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính : đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		192,553,400,186	160,651,252,824
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	33,121,165,445	52,653,478,625
1. Tiền	111		15,121,165,445	13,653,478,625
2. Các khoản tương đương tiền	112			

			18,000,000,000	39,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	69,000,000,000	13,000,000,000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		69,000,000,000	13,000,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		83,567,764,641	87,865,320,899
1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	V.3	82,897,087,274	55,063,329,697
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	3,864,273,760	34,508,436,028
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	1,047,697,125	1,008,812,261
4. Dự phòng phải thu NH khó đòi (*)	137	V.6	(4,241,293,518)	(2,715,257,087)
IV. Hàng tồn kho	140		6,436,810,853	6,199,225,493
1. Hàng tồn kho	141	V.7	6,436,810,853	6,199,225,493
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		427,659,247	933,227,807
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12a	427,659,247	933,227,807
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		361,447,513,020	375,072,941,138
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		168,000,000	269,200,000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	168,000,000	269,200,000
II. Tài sản cố định	220		224,527,925,842	235,852,077,939
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	222,267,847,409	232,569,726,073
- Nguyên giá	222		901,057,975,135	853,597,945,713
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(678,790,127,726)	(621,028,219,640)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	2,260,078,433	3,282,351,866
- Nguyên giá	228		5,743,062,311	5,743,062,311
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(3,482,983,878)	(2,460,710,445)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1,157,616,364	10,713,305,187
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	1,157,616,364	10,713,305,187
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		127,075,920,000	128,075,920,000
1. Đầu tư dài hạn khác	253	V.11	127,075,920,000	128,075,920,000

VI. Tài sản dài hạn khác	260		8,518,050,814	162,438,012
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12b	8,518,050,814	162,438,012
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		554,000,913,206	535,724,193,962

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		48,422,504,150	44,313,779,359
I. Nợ ngắn hạn	310		48,422,504,150	44,313,779,359
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	10,004,490,897	7,067,635,738
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	2,686,127,308	1,552,759,225
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.15	6,149,094,162	6,226,834,886
4. Phải trả người lao động	314		15,195,322,225	18,279,793,885
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	11,257,141,830	6,157,667,889
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	702,733,601	1,272,677,795
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2,427,594,127	3,756,409,941
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		505,578,409,056	491,410,414,603
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	505,578,409,056	491,410,414,603
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		404,099,500,000	404,099,500,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		404,099,500,000	404,099,500,000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		4,525,265,662	4,525,265,662
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		96,953,643,394	82,785,648,941
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		30,430,477,255	690,965,207
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		66,523,166,139	82,094,683,734
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		554,000,913,206	535,724,193,962

(Chi tiết theo báo cáo tài chính đã kiểm toán kèm theo)

II/ Phân phối lợi nhuận năm 2016 và các năm tiếp theo (2017-2020)

Để có đủ vốn đối ứng đầu tư phát triển Cảng Quy Nhơn và đầu tư xây dựng cảng ICD giai đoạn 2017 - 2020; Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, thông qua tỷ lệ trích lập quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận sau thuế hàng năm của Công ty trong giai đoạn 2015 – 2020 như sau :

1. Phân phối lợi nhuận năm 2016

- Trích toàn bộ lợi nhuận sau thuế còn lại (chưa phân phối) của năm tài chính 2015 cho quỹ đầu tư phát triển;

- Trích 70 % (bảy mươi phần trăm) lợi nhuận sau thuế của các năm tài chính 2016 cho quỹ đầu tư phát triển.

Chi tiết phân phối năm 2016:

Trích Yếu	Tỷ lệ trích	Số tiền	Ghi chú
Lợi nhuận chưa phân phối năm trước		30,430,477,255	
Lợi nhuận chưa phân phối năm nay		66,523,166,139	
Lợi nhuận được phân phối		96,953,643,394	
a) Quỹ đầu tư phát triển (2% -10%)	70.00%	76,996,693,552	
b) Quỹ phúc lợi tập thể (2%-10%)	2.00%	1,330,463,323	
c) Quỹ khen thưởng CBNV(6%-10%)	6.00%	3,998,084,619	
g) Tiền lợi nhuận chia cổ tức		14,628,401,900	
Tỷ lệ cổ tức được chia dự kiến		3,62%	

2. Phân phối lợi nhuận các năm tiếp theo (2017-2020)

Trích 70 % (bảy mươi phần trăm) lợi nhuận sau thuế của các năm tài chính 2017 – 2020 cho quỹ đầu tư phát triển.

III/ Chia Cổ Tức 2016

1/Chia cổ tức năm 2016: tỷ lệ chi trả cổ tức là 3,62% tức là 362 đồng/cổ phiếu

2/Thời gian chốt danh sách và chia cổ tức: giao Hội đồng quản trị thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, Ban tổng giám đốc
- Lưu TCHC, KTTV.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH




Lê Hồng Thái

(Kèm theo báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2016)

Số: 12/TTr-HĐQT

Bình Định, ngày 31 tháng 3 năm 2017

TỜ TRÌNH

V/v : Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017

Kính trình : Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ Phần Cảng Quy Nhơn

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội khóa 13 nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội khóa 11 nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập công ty thông qua ngày 28/10/2013.

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT ngày 31/3 /2017 của Hội đồng quản trị công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017, như sau :

Yêu cầu đối với Công ty kiểm toán độc lập: Phải thuộc danh sách Công ty đủ điều kiện kiểm toán do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công bố, đáp ứng được yêu cầu của Công ty, thực hiện kiểm toán đúng thời hạn, uy tín và chất lượng.

Dựa trên tiêu chuẩn về các cam kết, tính chuyên nghiệp, nguồn lực và chi phí, để phù hợp với tình hình kinh doanh và sự phát triển của công ty, Hội đồng Quản trị công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội là đơn vị kiểm toán độc lập, kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017.

Trong trường hợp đàm phán hợp đồng kiểm toán với Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội không thành công thì Hội đồng quản trị được chọn một Công ty có tên trong danh sách các Công ty đủ điều kiện kiểm toán do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước công bố để thực hiện kiểm toán trên nguyên tắc đảm bảo chất lượng dịch vụ và giá cả cạnh tranh.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, KTTV.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



[Signature]
Lê Hồng Thái

Số: 13 /TTr-HĐQT

Bình Định, ngày 31 tháng 3 năm 2017

TỜ TRÌNH
Về việc Phê duyệt thù lao, tiền thưởng
của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát
Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn năm 2017

Kính trình: Đại Hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn

Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 28 tháng 10 năm 2013 và Điều lệ bổ sung, sửa đổi được Đại hội đồng cổ đông bất thường thông qua ngày 22/10/2015;

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 và kế hoạch sản xuất kinh doanh 2017;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn thông qua tổng thù lao và tiền thưởng đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn năm 2017, như sau:

I. Về thù lao thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

1. Thù lao các thành viên Hội đồng quản trị:

STT	Chức danh	Số lượng (người)	Mức thù lao (đồng/người/tháng)	Tổng mức thù lao năm 2017 (đồng/năm)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)x(4)x 12 tháng
	Hội đồng Quản trị = 1+2	05		168.000.000
1	Chủ tịch HĐQT	01		48.000.000
	Chuyên trách	0	45.000.000	0
	Kiểm nhiệm	01	4.000.000	48.000.000
2	Thành viên HĐQT	04		120.000.000
	Chuyên trách	0	20.000.000	0
	Không chuyên trách	04	2.500.000	120.000.000

2. Thù lao các thành viên Ban Kiểm soát:

STT	Chức danh	Số lượng (người)	Mức thù lao (đồng/người/tháng)	Tổng mức thù lao năm 2017 (đồng/năm)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) – (3)x(4) x 12 tháng
	Ban Kiểm soát =1+2	03		144.000.000
1	Trưởng Ban Kiểm soát	01		120.000.000
	Chuyên trách	01	10.000.000	120.000.000
	Kiểm nhiệm	0	2.000.000	0
2	Thành viên Ban Kiểm soát	02		24.000.000
	Chuyên trách	0	5.000.000	0
	Không chuyên trách	02	1.000.000	24.000.000

II. Về tiền thưởng:

Cuối năm, nếu công ty đạt và vượt kế hoạch lợi nhuận sau thuế thì Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc sẽ được trích thưởng như sau:

Được thưởng tối đa không quá 10% phần lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Mức thù lao và tiền thưởng theo Tờ trình thay thế cho quy định trả lương, thù lao, tiền thưởng và các khoản thu nhập khác đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tại Quyết định số 37/QĐ-HĐQT ngày 01 tháng 8 năm 2014 của Hội đồng quản trị và Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT ngày 17 tháng 01 năm 2015 của Hội đồng quản trị.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TCHC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



[Handwritten Signature]
Lê Hồng Thái

Số: /4/TTr-HĐQT

Bình Định, ngày 31 tháng 3 năm 2017

TỜ TRÌNH
VỀ VIỆC chấp thuận thành viên Hội đồng quản trị

Kính trình: Đại Hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Căng Quy Nhơn

Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Căng Quy Nhơn được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 28 tháng 10 năm 2013 và một số nội dung sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 22 tháng 10 năm 2015 thông qua;

Trong năm 2016, vì lý do cá nhân nên ông Trần Tuấn Nghĩa và ông Trinh Trung Thành đã có đơn xin từ chức thành viên Hội đồng quản trị Công ty. Để đảm bảo đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, Hội đồng quản trị đã có quyết định bổ nhiệm các ông sau tạm thời làm thành viên HĐQT:

- Ngày 19/7/2016, Hội đồng quản trị Công ty đã có quyết định số 60/QĐ-HĐQT bổ nhiệm ông Trần Duy Tùng – sinh ngày 25/2/1985, CMND số: 024017363 tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị;

- Ngày 30/9/2016, Hội đồng quản trị Công ty đã có quyết định số 73/QĐ-HĐQT bổ nhiệm ông Trinh Văn Nhất- Sinh ngày: 06/07/1959, CMND số: 231168279 tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị.

Từ khi được bầu tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị đến nay, ông Trần Duy Tùng và ông Trinh Văn Nhất thực hiện tốt chức năng và nhiệm vụ của một thành viên Hội đồng quản trị.

Để việc bổ nhiệm ông Trần Duy Tùng và ông Trinh Văn Nhất có hiệu lực, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận ông Trần Duy Tùng và ông Trinh Văn Nhất làm thành viên Hội đồng quản trị Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Lê Hồng Thái

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG QUY NHƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 15/TTr-HĐQT

Quy Nhơn, ngày 31 tháng 3 năm 2017

TỜ TRÌNH
Về việc Phê chuẩn Chủ tịch Hội đồng quản trị
kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty

Kính trình: Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn

Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn;

Căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh và năng lực lãnh đạo, điều hành Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Thái
Lê Hồng Thái

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG QUY NHƠN**

Số: 16 /TTr-HĐQT

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quy Nhơn, ngày 31 tháng 3 năm 2017

TỜ TRÌNH

**Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư
Dự án: Đầu tư cải tạo, nâng cấp phát triển Cảng Quy Nhơn**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn

Cảng Quy Nhơn được thành lập ngày 19/01/1976, là một trong những Cảng có điều kiện tự nhiên thuận lợi khi nằm gần hệ thống đường sắt quốc gia, quốc lộ 1A, và tại km0 của quốc lộ 19, là cánh cửa ra biển đông của khu vực Nam Trung Bộ, Tây nguyên, đông bắc Campuchia và Nam Lào.

Cảng Quy Nhơn quản lý 06 cầu cảng với tổng số mét cầu cảng là 868 m, trong đó: có 350m cầu được Mỹ xây dựng từ những năm 1967; có 348 m cầu được xây dựng từ những năm 1995; có 170 m cầu được xây dựng năm 2005, các cầu tàu được đầu tư xây dựng theo các tiêu chuẩn cũ, để làm hàng tổng hợp, không có đường ray để lắp đặt các thiết bị chuyên dụng hiện đại. Hầu hết các cầu tàu hiện nay đã xuống cấp, phải thường xuyên sửa chữa để đảm bảo an toàn trong khai thác, không có hệ thống điện cấp cho thiết bị.

Về hiện trạng thiết bị, có đến trên 70% thiết bị được chế tạo trước năm 1996 và được đầu tư trước năm 2007; đến nay phần lớn sử dụng dầu diezen, đã hết khấu hao, thường xuyên hư hỏng sửa chữa, năng suất thấp.

Về kho bãi và hạ tầng kỹ thuật, hầu hết cũng đã được đầu tư xây dựng trên 20 năm; manh mún, không đồng bộ và không có quy hoạch hợp lý; hiệu quả khai thác, sử dụng thấp; kết cấu kho thấp không áp dụng được phương tiện cơ giới trong khai thác kho; thường xuyên chống dột, chống thấm vào mùa mưa.

Với thực trạng như trên, hiện nay Cảng Quy Nhơn đã quá tải khi sản lượng thông qua trên 7 triệu tấn/năm; cần phải được đầu tư cải tạo, nâng cấp để đạt được sản lượng hàng hóa thông qua dự báo đến năm 2020 là 10,5 – 12,0 triệu tấn/năm.

Căn cứ quyết định số 2976/ QĐ-UBND ngày 05 tháng 09 năm 2014 của Chủ tịch ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Định về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 mở rộng cảng Quy Nhơn giai đoạn năm 2020 - 2030 và tầm nhìn sau năm 2030, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định; để thực hiện các định hướng phát triển Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn; căn cứ vào nhu cầu đầu tư phát triển Cảng Quy Nhơn;

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt chủ trương đầu tư cải tạo, nâng cấp phát triển Cảng Quy Nhơn đến năm 2020 với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên đề án: Đầu tư cải tạo, nâng cấp phát triển Cảng Quy Nhơn giai đoạn 2017 – 2020.

2. Chủ đầu tư : Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.

3. Vị trí đầu tư : Khu đất xây dựng thuộc phạm vi Cảng Quy Nhơn hiện hữu (phường Hải Cảng và phường Thị Nại, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định), tổng diện tích mặt bằng khoảng 35 héc ta.

4. Mục tiêu đầu tư : Đầu tư phương tiện xếp dỡ, cải tạo nâng cấp mặt bằng trực tiếp quản lý khai thác tại Cảng Quy Nhơn đáp ứng mức độ tăng trưởng hàng hóa trong giai đoạn sắp đến, đồng thời phù hợp với cơ cấu, chủng loại hàng hóa dự kiến thông qua Cảng, bên cạnh đó nâng cao năng suất xếp dỡ hàng hóa tại tuyến cầu tàu, tận dụng được cơ sở hạ tầng bến cảng hiện có, nâng cao năng lực cạnh tranh của Cảng;

Đáp ứng yêu cầu năng lực hàng hóa thông qua Cảng Quy Nhơn đến năm 2020 đạt 10,5 – 12,0 triệu tấn/năm.

5. Quy mô đầu tư :

a. Mua sắm thiết bị. Các thiết bị chính bao gồm :

- Cầu bờ container chuyên dùng dạng khung chạy trên ray sức nâng 45 tấn, tầm với 36 mét, chiều cao nâng 30 mét, khoảng cách ray 18 mét : 01 chiếc.

- Cầu khung bánh lốp RTG sắp xếp container trong bãi sức nâng 45 tấn, 6 tầng, 6 hàng : 02 chiếc.

- Cầu bờ di động Gottwald 80 – 100 tấn (đã qua sử dụng) : 02 chiếc.

- Xe cầu bánh xích 120 – 135 tấn (đã qua sử dụng) : 02 chiếc.

- Xe nâng Reachstacker 45 tấn : 02 chiếc.

- Hệ thống băng tải vận chuyển gỗ dăm lên tàu 400 tấn/giờ : 01 hệ thống.

- Thiết bị hút nông sản 150 tấn/giờ : 02 chiếc.

- Đổi mới các thiết bị, phương tiện không còn giá trị sử dụng.

- Các thiết bị phục vụ xếp dỡ.

b. Xây dựng các hạng mục công trình theo quy hoạch đã được phê duyệt:

- Xây dựng hệ thống kho, bãi công nghệ;

- Xây dựng hạ tầng hạ tầng kỹ thuật : Đường giao thông nội bộ, hệ thống cấp điện, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước mưa, hệ thống xử lý nước thải – vệ sinh môi trường;

- Xây dựng các hạng mục công trình khác theo quy hoạch.

c. San lấp mặt bằng và xây dựng hệ thống kè, xây dựng bãi Container sau cầu cảng số 5 (Hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn).

d. Đền bù, giải phóng mặt bằng để chuẩn bị thực hiện quy hoạch mở rộng Cảng Quy Nhơn giai đoạn sau năm 2020 đến năm 2030.

6. Tổng mức đầu tư dự kiến : 954 tỷ đồng.

7. Nguồn vốn đầu tư :

+ Vốn tự có (vốn đối ứng): 30 %.

+ Vốn vay dài hạn từ các Tổ chức Tín dụng : 70 %.

8. Thời gian thực hiện : Năm 2017 – 2020.

9. Tổ chức thực hiện: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc phân kỳ đầu tư, phê duyệt các dự án thành phần, quyết định các phương án huy động vốn thực hiện các dự án thành phần, chỉ đạo và giám sát Tổng Giám đốc tổ chức thực hiện các dự án thành phần theo đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, thông qua chủ trương trên.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu VT, HĐQT, Phòng KHĐT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Hồng Thái
Lê Hồng Thái

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG QUY NHƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 17 /Tr-HĐQT

Quy Nhơn, ngày 21 tháng 3 năm 2017

TỜ TRÌNH

**Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư
Dự án: Thành lập và xây dựng cảng cạn (ICD) Quy Nhơn**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn

Cảng Quy Nhơn là một trong những cảng trọng điểm của vùng Trung Nam Bộ, là cảng cửa ngõ của Tây Nguyên ra biển. Cảng nằm sát với tuyến đường hàng hải quốc tế nên rất thuận tiện cho tàu biển nước ngoài ra/vào. Có trên 10 tuyến đường biển nối với các cảng quốc tế như: Manila, Singapore, Hong Kong, Cao Hùng (Đài Loan), Băng Cốc (Thái Lan), Tokyo (Nhật Bản), Vladivostok (Nga) v.v...

Với tính chất của cảng biển tổng hợp, trong những năm vừa qua sản lượng hàng hóa thông qua Cảng Quy Nhơn luôn trong xu hướng tăng (năm sau cao hơn năm trước với tốc độ tăng trưởng hàng hóa thông qua cảng bình quân 12,7% năm). Theo đó, năm 2014 sản lượng hàng hóa thông qua Cảng Quy Nhơn là 7,2 triệu tấn, dự kiến kế hoạch sản lượng thông qua Cảng năm 2015 đạt 7,5 tấn. Trong đó, sản lượng container năm 2015 đạt 86.000 teus, năm 2016 đạt 96.000 teus, dự kiến năm 2017 đạt 105.000 teus.

Theo quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển Nam trung bộ (nhóm 4) đến năm 2020 đã được Bộ GTVT phê duyệt, dự báo tổng sản lượng hàng hóa qua Cảng Quy Nhơn đến năm 2020 đạt từ 10.5 - 12 triệu tấn/năm trong đó hàng container là 200.000 -300.000 teu/ năm; giai đoạn đến 2030, sản lượng hàng hóa thông qua khoảng từ 20-23 triệu tấn/năm trong đó hàng container trên 1,0 triệu teu/ năm.

Với năng lực của Cảng Quy Nhơn, cùng với hệ thống quản lý cửa khẩu cảng biển quốc tế Quy Nhơn của Nhà nước (Hải quan, bộ đội biên phòng, kiểm dịch, cảng vụ, hoa tiêu...) và nhu cầu phát triển kinh tế của vùng có khối lượng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu bằng Container lớn (trên 50.000 TEU/năm) việc thành lập và xây dựng cảng cạn (ICD) Quy Nhơn sẽ giúp nâng cao sản lượng hàng hóa thông qua khu vực, tăng nguồn thu ngân sách cho tỉnh Bình Định, giảm chi phí cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu và tận dụng, khai thác bộ máy quản lý hàng hóa xuất/nhập khẩu sẵn có của Nhà nước tại cửa khẩu cảng biển Quy Nhơn.

Căn cứ công văn số 542/UBND-KT ngày 17/02/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu cảng nội địa ICD, tại xã

Phước Lộc và xã Phước Nghĩa, huyện Tuy Phước; để thực hiện các định hướng phát triển Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn; xét nhu cầu đầu xây dựng Cảng nội địa ICD Quy Nhơn; Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt chủ trương thành lập và xây dựng cảng cạn (ICD) Quy Nhơn với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Thành lập và xây dựng cảng cạn (ICD) Quy Nhơn.

2. Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.

3. Địa điểm đầu tư: Tại xã Phước Nghĩa, và xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước.
Tổng diện tích quy hoạch đến năm 2020 là 15 ha, năm 2030 là 30 ha.

4. Mục tiêu đầu tư:

Xây dựng cảng container nội địa với khả năng thông qua tối đa 380.000 TEU/năm, cùng hệ thống kho, bãi dịch vụ Logistics.

5. Quy mô đầu tư giai đoạn I:

a. Đền bù và giải phóng mặt bằng khoảng 15 héc ta.

b. Các hạng mục xây dựng :

- Xây dựng kè, san lấp mặt bằng; xây dựng hàng rào.

- Bãi container khoảng 110.000 m², bãi hàng tổng hợp khoảng 90.000 m², kho hàng tổng hợp khoảng 30.000 m².

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật : Đường giao thông nội bộ, hệ thống cấp điện, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước mưa, hệ thống xử lý nước thải và vệ sinh môi trường, hệ thống thông tin liên lạc.

- Nhà điều hành và các công trình phụ trợ khác.

c. Mua sắm thiết bị giai đoạn I:

- Cầu khung bánh lốp RTG sắp xếp container trong bãi sức nâng 45 tấn, 6 tầng, 6 hàng : 02 chiếc.

- Xe nâng Reachstacker 45 tấn (đã qua sử dụng) : 04 chiếc.

- Xe nâng Forklift (đã qua sử dụng): 03 chiếc.

- Các thiết bị xếp dỡ khác.

6. Tổng mức đầu tư dự án toàn bộ dự án (dự kiến): 775 tỷ đồng.

- Giai đoạn I khoảng 395 tỷ đồng.

- Giai đoạn II và III khoảng 380 tỷ đồng.

7. Nguồn vốn đầu tư:

+ Vốn tự có (vốn đối ứng): 30 %.

+ Vốn vay dài hạn từ các Tổ chức Tín dụng: 70 %.

8. Thời gian thực hiện giai đoạn I: Năm 2017 – 2020.

9. Tổ chức thực hiện: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc phân kỳ đầu tư, phê duyệt các dự án thành phần, quyết định các phương án huy động vốn thực hiện các dự án thành phần, chỉ đạo và giám sát Tổng Giám đốc tổ chức thực hiện các dự án thành phần theo đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, thông qua chủ trương trên.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, HĐQT, Phòng KHĐT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature]
Đỗ Hồng Thái

Số: 18 /TTr-HĐQT

Quy Nhơn, ngày 11 tháng 3 năm 2017

TỜ TRÌNH

**Về việc Thông qua Ban hành lại Điều lệ tổ chức và hoạt động
Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn**

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được thông qua ngày 26/11/2015;

Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 28 tháng 10 năm 2013 và một số nội dung sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 22 tháng 10 năm 2015 thông qua;

Để Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn tổ chức và hoạt động phù hợp với mô hình Công ty đại chúng và phù hợp với Luật Doanh nghiệp năm 2014, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua ban hành lại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn (nội dung chi tiết toàn bộ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn được đính kèm theo Tờ trình này).

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn xem xét, thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Hồng Thái

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



DỰ THẢO ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

*(Đính kèm tờ trình số /TTr-HĐQT ngày tháng năm 2017
của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn)*

Bình Định, ngày 22 tháng 4 năm 2017

MỤC LỤC

Điều	Nội dung	Trang
	PHẦN MỞ ĐẦU	2
	Chương I: Những quy định chung	2
1	Giải thích từ ngữ trong điều lệ	2
2	Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động	3
3	Mục tiêu hoạt động và ngành nghề kinh doanh của Công ty	3
4	Phạm vi kinh doanh và hoạt động	4
	Chương II: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	5
5	Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	5
6	Chứng nhận cổ phiếu, sổ đăng ký cổ đông	5
7	Chứng chỉ chứng khoán khác	6
8	Chuyển nhượng cổ phần	6
9	Thu hồi cổ phần	6
	Chương III: Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	7
10	Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	7
	Mục 1	7
	Cổ đông và Đại hội đồng cổ đông	7
11	Quyền của cổ đông	7
12	Nghĩa vụ của cổ đông	9
13	Đại hội đồng cổ đông	9
14	Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	11
15	Các đại diện được ủy quyền	12
16	Thay đổi các quyền	13
17	Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	14
18	Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	16
19	Thê thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	16
20	Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	18
21	Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định Đại hội đồng cổ đông	19
22	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	21
23	Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	22
	Mục 2	
	Hội đồng quản trị	
24	Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	22
25	Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	23
26	Chủ tịch Hội đồng quản trị	25
27	Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	25
	Mục 3	29
	Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác và thư ký Công ty	29
28	Tổ chức bộ máy quản lý	29
29	Cán bộ quản lý	29
30	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	29
31	Thư ký Công ty	31
	Mục 4	32
	Ban kiểm soát	32
32	Thành viên Ban kiểm soát	32
33	Ban kiểm soát	33

	Mục 5	34
	Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	34
34	Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	34
	Mục 6	34
	Nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác	34
35	Trách nhiệm cân trọng	34
36	Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	34
37	Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	35
	Chương IV	36
	Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ Công ty	36
38	Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	36
	Chương V	37
	Tổ chức Đảng, Công đoàn và các tổ chức đoàn thể khác	37
39	Tổ chức Đảng, Công đoàn và các tổ chức đoàn thể khác	37
	Chương VI	37
	Phân phối lợi nhuận	37
40	Phân phối lợi nhuận	37
	Chương VII	38
	Tài khoản ngân hàng, quỹ dự trữ, năm tài chính và hệ thống kế toán	38
41	Tài khoản ngân hàng	38
42	Năm tài chính	38
43	Chế độ kế toán	38
	Chương VIII	38
	Báo cáo thường niên, trách nhiệm công bố thông tin, thông báo ra công chúng	38
44	Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	38
45	Báo cáo thường niên	39
	Chương IX	39
	Kiểm toán Công ty	39
46	Kiểm toán	39
	Chương X	39
	Con dấu	39
47	Con dấu	39
	Chương XI	40
	Chấm dứt hoạt động và thanh lý	40
48	Chấm dứt hoạt động	40
49	Gia hạn hoạt động	40
50	Thanh lý	40
	Chương XII	41
	Giải quyết tranh chấp nội bộ	41
51	Giải quyết tranh chấp nội bộ	41
	Chương XIII	41
	Bổ sung và sửa đổi điều lệ	41
52	Bổ sung và sửa đổi điều lệ	41
	Chương XIV	41
	Ngày hiệu lực	41
53	Ngày hiệu lực	41

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho việc tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn (dưới đây gọi là Công ty), được cổ phần hóa theo Quyết định số 336/QĐ-HHVN ngày 22/7/2013 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cảng Quy Nhơn thành công ty cổ phần. Công ty được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức chính thức vào ngày 22 tháng 4 năm 2017.

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ trong Điều lệ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. "*Công ty*" là Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn.
 - b. "*Vốn điều lệ*" là vốn do tất cả cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.
 - c. "*Điều lệ hoặc Điều lệ Công ty*" là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn.
 - d. "*Ngày thành lập*" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.
 - d. "*Luật Doanh nghiệp*" là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH 13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014.
 - e. "*Pháp luật*" là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 1 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ban hành năm 2008.
 - g. "*Cổ đông sáng lập*" là cổ đông góp vốn cổ phần, tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản Điều lệ đầu tiên của Công ty.
 - h. "*Cổ đông*" là cá nhân hoặc tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty và được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty.
 - i. "*Cán bộ quản lý*" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị Công ty phê chuẩn.
 - k. "*Người đại diện theo ủy quyền*" là cá nhân được cổ đông là tổ chức của Công ty ủy quyền bằng văn bản thực hiện các quyền của mình tại Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp và bản Điều lệ này.
 - l. "*Người có liên quan*" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và Khoản 34, Điều 6 của Luật Chứng khoán.
 - m. "*Thời hạn hoạt động*" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.
 - n. "*Việt Nam*" là Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc

hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên gọi đầy đủ bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN**
- Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh: **QUY NHON PORT JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt bằng tiếng Anh: **QUY NHON PORT**

Công ty được sử dụng tên gọi, cờ hiệu, biểu tượng và con dấu riêng theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ: 02 Phan Chu Trinh, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Điện thoại: (056) 3892345 – 3892363
- Fax: (056) 3891783
- E-mail: quinhonport@dng.vnn.vn
- Website: <http://www.quinhonport.com.vn>

4. Công ty có hai (02) người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc và Chủ tịch Hội đồng quản trị.

5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 49 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 50 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là 50 năm.

Điều 3. Mục tiêu hoạt động và ngành nghề kinh doanh của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

1	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ Cảng và bến Cảng. Dịch	5222 (Chính)
2	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Kinh doanh kho bãi, kho ngoại quan	5210
3	Bốc xếp hàng hóa	5224
4	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ giao nhận hàng hóa; Đại lý vận tải hàng hóa, đại lý tàu biển, đại lý vận tải thủy bộ, vận tải	5229
5	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Mua bán vật tư, thiết bị phục vụ khai thác Cảng và kinh doanh xuất nhập khẩu	4669

6	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
7	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại <i>Chi tiết: Gia công cơ khí</i>	2592
8	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
9	Sửa chữa máy móc thiết bị	3312
10	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác <i>Chi tiết: Sửa chữa phương tiện vận tải ô tô</i>	4520
11	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) <i>Chi tiết: Sửa chữa phương tiện vận tải thủy</i>	3315
12	Chuẩn bị mặt bằng <i>Chi tiết: San lấp mặt bằng</i>	4312
13	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác <i>Chi tiết: Xây dựng, sửa chữa cầu cảng; Gia công lắp ghép các bộ phận của cầu và bến Cảng</i>	4290
14	Xây dựng nhà các loại <i>Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp</i>	4100
15	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện. <i>Chi tiết: Sản xuất đồ gỗ</i>	1629
16	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động <i>Chi tiết: Dịch vụ ăn uống</i>	5610
17	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711

- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

Công ty được thành lập để huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mục tiêu tối ưu hóa lợi nhuận thu được; tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động; tăng cổ tức cho các cổ đông; đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG II VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là **404.099.500.000 đồng** (bằng chữ: *Bốn trăm linh bốn tỷ không trăm chín mươi chín triệu năm trăm ngàn đồng*)
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **40.409.950 cổ phần** với mệnh giá là **10.000 đồng/cổ phần**.
2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Tất cả cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo từng loại cổ phần được quy định tại Điều 11 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật. Quyền và nghĩa vụ của người sở hữu cổ phần ưu đãi thực hiện theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.
5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.
6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu, sổ đăng ký cổ đông

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy

đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cấp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.
5. Sổ đăng ký cổ đông:
 - a. Công ty lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ ngày đăng ký doanh nghiệp. Cổ đông phổ thông và cổ đông ưu đãi có thể được đăng ký vào các sổ khác nhau. Sổ đăng ký cổ đông ít nhất phải có các nội dung sau:
 - Tên, trụ sở của Công ty.
 - Tổng số cổ phần được quyền phát hành, loại cổ phần được quyền phát hành và tổng số cổ phần được quyền phát hành của từng loại.
 - Tổng số cổ phần đã phát hành từng loại và giá trị vốn của cổ phần đã góp.
 - Tên cổ đông được sắp xếp theo vần chữ cái, địa chỉ, số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
 - b. Sổ đăng ký cổ đông có thể được lập và lưu trữ bằng văn bản hoặc bằng tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Sổ đăng ký cổ đông có thể được lưu trữ tại trụ sở của Công ty hoặc nơi khác nhưng phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh và tất cả các cổ đông biết. Các cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc tại nơi lưu giữ sổ đăng ký cổ đông.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phần, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ

trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi (tính theo lãi suất tiền gửi không kỳ hạn VNĐ tại ngân hàng mà Công ty mở tài khoản) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phần vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG III

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

1. Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:
 - a. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty;
 - b. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Ban kiểm soát là cơ quan thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao;
 - d. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
2. Cơ cấu tổ chức của các chi nhánh và văn phòng đại diện của Công ty được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị đó do Hội đồng quản trị Công ty ban hành.

Mục 1

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 8 của Điều lệ này;
 - d. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - đ. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - e. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 129 của Luật Doanh nghiệp;
 - i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:
 - a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 24 và Khoản 2 Điều 32 Điều lệ này;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Khoản 3 Điều 114 và khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.
 - c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - đ. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

4. Quyền của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi (nếu có) sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.
3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
 - c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;

- d. Việc triệu tập là cần thiết nếu các kiểm toán viên độc lập được chỉ định đề nghị thảo luận về báo cáo kiểm toán hoặc về tình hình tài chính của Công ty và Hội đồng quản trị cũng nhận thấy như vậy;
- đ. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;
- e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
- g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d, đ, e Khoản 3 Điều 13;

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp nêu trên thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

- b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Trưởng ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

- c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm đ Khoản 3 Điều 13 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

- 5. Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ này.

6. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:
 - a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;
 - b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
 - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:
 - a. Thông qua các báo cáo tài chính năm;
 - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - d. Lựa chọn công ty kiểm toán;
 - đ. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - e. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước đó phù hợp với quy định của pháp luật;
 - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập trong vòng ba (3) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - k. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - l. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
 - m. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
 - n. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
 - o. Việc Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- p. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
 - q. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Điểm o Khoản 2 Điều 14 khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Các đại diện được ủy quyền

- 1. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền theo quy định tại Khoản 4 Điều 15 thì ủy quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Đại diện được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông.
- 2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
 - b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
 - c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.
- 3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
- 4. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh của cổ đông;
- b. Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại Công ty;
- c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo uỷ quyền;
- d. Số cổ phần được uỷ quyền đại diện;
- d. Thời hạn đại diện theo uỷ quyền;
- e. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông.

Công ty phải gửi thông báo về người đại diện theo uỷ quyền quy định tại khoản này đến cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.

5. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 15, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;
 - c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

6. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông (trong các trường hợp quy định tại Điều 14 liên quan đến vốn cổ phần của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau) về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của tất cả các cổ phần có quyền biểu quyết đã phát hành loại đó.
2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện được uỷ quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần có quyền biểu quyết loại đó đã phát hành. Tuy nhiên, trong trường hợp cuộc họp dự định được tổ chức để quyết định về nhiều vấn đề khác nhau trong đó có vấn đề nêu tại khoản 1, Điều 16 trên đây, thì vẫn sẽ được tổ chức để quyết định các vấn đề khác nếu thoả mãn số lượng đại biểu tối thiểu theo quy định tại Điều 18 dưới đây ngay cả khi không có đủ số đại biểu như trên

để họp bàn và quyết định về vấn đề nêu tại khoản 1, Điều 16 trên đây. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi ngày sau đó để quyết định về vấn đề tương ứng quy định tại khoản 1 Điều 16 trên đây và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 4 Điều 13 Điều lệ này.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a. a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không sớm hơn 15 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ.
 - b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu.
 - c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp.
 - d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp.

e. Dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên.

f. Xác định thời gian và địa điểm họp.

g. Gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang điện tử của công ty và đăng báo hàng ngày của trung ương hoặc địa phương, khi xét thấy cần thiết theo quy định của Điều lệ công ty.

Thông báo mời họp phải được gửi kèm các tài liệu sau đây:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
- Phiếu biểu quyết;
- Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.

Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại Điểm g, Khoản 2 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 3 Điều 17 trong các trường hợp sau:
 - a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất [05%] cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này;
 - c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 3 Điều 17 vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp

quy định tại Khoản 4 Điều 17. Kiến nghị sẽ được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.
7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc tham dự thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng trình tự và thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 61% cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lâu hơn nếu chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông xét thấy cần thiết, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông hoặc lâu hơn nếu chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông xét thấy cần thiết, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông có thể được triệu tập lần thứ ba trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần hai, và trong trường hợp này cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.
4. Theo đề nghị của Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 17 của Điều lệ này.

Điều 19. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu

quyết của cổ đông đó. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sẽ tổ chức để Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết về các vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết trước hết có thể được tiến hành theo hình thức giơ phiếu biểu quyết và ban kiểm phiếu sẽ thực hiện việc thống kê sơ bộ về kết quả biểu quyết theo hình thức này. Chủ tọa sẽ thông báo sơ bộ với Đại hội đồng cổ đông về kết quả biểu quyết về các vấn đề sau khi tiến hành theo hình thức giơ phiếu biểu quyết tại cuộc họp. Các cổ đông sẽ biểu quyết về từng vấn đề trong nội dung chương trình bằng cách ghi vào thẻ biểu quyết theo hướng dẫn của chủ tọa, quy chế làm việc, các nguyên tắc và thể lệ của đại hội. Sau khi hoàn thành việc thảo luận và biểu quyết về các vấn đề trong nội dung chương trình, ban kiểm phiếu sẽ thu các thẻ biểu quyết và tiến hành công tác kiểm phiếu. Sau khi có kết quả kiểm phiếu của Ban kiểm phiếu từ việc kiểm tra các thẻ biểu quyết, Chủ tọa sẽ công bố kết quả biểu quyết về từng vấn đề bao gồm tổng số phiếu ủng hộ, tổng số phiếu phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng. Ban kiểm phiếu sẽ bao gồm từ ba đến năm thành viên do chủ tọa, đoàn chủ tịch giới thiệu trong số những đại biểu tham dự cuộc họp đại hội đồng cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua

3. Cổ đông đến dự cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
4. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ tọa. Trường hợp chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
6. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:
 - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6, Điều 19, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.
8. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.
9. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham dự Đại hội.
10. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:
 - a. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:
 - a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
 - b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;
Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.
12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.
Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 20, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành.
2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ chỉ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông:
 - a. sửa đổi và bổ sung Điều lệ;
 - b. loại cổ phần và số lượng cổ phần của từng loại được chào bán;
 - c. sáp nhập, tổ chức lại và giải thể Công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ này.
4. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi,

công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - đ. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - e. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Các quyết định đã được thông qua;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày

kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty (nếu có).

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2, Điều 148 Luật DN;
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Mục 2

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.
2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
 - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

- d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - d. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - e. Không còn là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;
 - g. Là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty nữa.
5. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.
 6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
 7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.
 8. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo Điều 151 Luật Doanh nghiệp.

Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.
3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
 - a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị; Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và lợi ích khác đối với Tổng giám đốc. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, mức lương và lợi ích khác đối với các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, các chức danh quản lý tương đương khác và người đại diện của Công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc. Việc bãi

nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);

- d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc;
 - đ. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó;
 - e. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
 - g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
 - h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
 - i. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bỏ nhiệm Tổng giám đốc;
 - k. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức;
 - l. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
 - c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê công ty và liên doanh);
 - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - đ. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - e. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - i. Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;
 - k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
 - l. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.
7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.
8. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.
9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một (01) Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc của Công ty khi được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội cổ đông thường niên.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và làm chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
 - a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác;
 - b. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Ban kiểm soát.Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 27 phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 27 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền).

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Biểu quyết:

- a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 9 Điều 27, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
- b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 9 Điều 27, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
- d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 4 Điều 36 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
10. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
11. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.
12. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.
14. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.
15. Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.
16. Thư ký Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các thành viên Ban kiểm soát, những cán bộ quản lý khác (nếu không phải là thành viên Hội đồng quản trị) và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp Hội đồng quản trị theo lời mời của Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền được biểu quyết như thành viên Hội đồng quản trị.
17. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

Mục 3

TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 28. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một (01) Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và một (01) Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức. Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc có thể đồng thời cùng là thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 29. Cán bộ quản lý

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng cán bộ quản lý cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi xem xét đề nghị của Tổng giám đốc.

Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.
2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là năm (05) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm.
3. Tổng giám đốc phải có tiêu chuẩn theo Điều 65 Luật Doanh nghiệp và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập, quản lý doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp.
4. Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:
 - a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại; Xây dựng, phê duyệt, ban hành các quy chế, quy định, quyết định để tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và đề nghị Hội đồng quản trị quyết định mức

lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;

- d. Quyết định tuyển chọn, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng; quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, thay thế, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và phụ cấp đối với người lao động trong Công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc bao gồm:
- Giám đốc các đơn vị trực thuộc, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, Trường phòng tham mưu và các chức danh tương đương của Công ty. Việc bổ nhiệm các chức danh trên được thực hiện sau khi thông qua Hội đồng quản trị công ty.
 - Phó giám đốc, kế toán trưởng (nếu có) các đơn vị trực thuộc, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp. Phó Trưởng phòng tham mưu và các chức danh tương đương của Công ty.
 - Các chức danh khác trong Công ty thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc Công ty.
- d. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
- e. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- g. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
- h. Xây dựng kế hoạch hàng năm, kế hoạch dài hạn của Công ty; phương án huy động vốn, đầu tư vốn; phương án đầu tư, liên doanh, liên kết;
- i. Xây dựng đề án tổ chức quản lý của Công ty; quy hoạch, đào tạo cán bộ chủ chốt của công ty thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông;
- k. Xây dựng các giải pháp công nghệ, phát triển thị trường, tiếp thị trình Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông.
- l. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật.
- m. Có quyền từ chối thực hiện những quyết định của Chủ tịch hay thành viên Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái Điều lệ này hoặc trái với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; đồng thời phải có trách nhiệm thông báo ngay bằng văn bản cho Ban kiểm soát;
5. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

6. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.
7. Từ nhiệm hoặc mất tư cách:
 - a. Khi muốn từ nhiệm, Tổng giám đốc phải có đơn gửi Hội đồng quản trị. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị phải xem xét và quyết định.
 - b. Tổng giám đốc mất tư cách khi bị chết, mất trí hoặc mất quyền công dân hoặc tự ý bỏ nhiệm sở mười (10) ngày trở lên. Trong trường hợp này, Hội đồng quản trị phải tạm cử người thay thế không quá ba mươi (30) ngày và tiến hành các thủ tục bổ nhiệm Tổng giám đốc mới.
8. Ủy quyền, ủy nhiệm:
 - a. Tổng giám đốc có thể ủy quyền hoặc ủy nhiệm cho các Phó tổng giám đốc hoặc người khác thay mình giải quyết một số phần việc của Công ty và chịu trách nhiệm pháp lý về sự ủy quyền hoặc ủy nhiệm đó;
 - b. Người được ủy quyền, ủy nhiệm phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Tổng giám đốc điều hành và pháp luật về những công việc mình làm;
 - c. Sự ủy quyền, ủy nhiệm liên quan đến con dấu của Công ty phải được thực hiện bằng văn bản và có thời hạn.

Điều 31. Thư ký Công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm.
2. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:
 - a. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - b. Làm biên bản các cuộc họp;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp.
 - đ. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp.
 - e. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
3. Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Mục 4

BAN KIỂM SOÁT

Điều 32. Thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có ba (03) thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 5 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ này và pháp luật quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các Kiểm soát viên;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.
2. Cổ đông nắm giữ ít hơn 5% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.
3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
4. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
5. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo Điều 164 của Luật Doanh nghiệp
6. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm Kiểm soát viên;
 - b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;
 - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

- d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
- e. Thành viên đó bị cách chức Kiểm soát viên theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 33. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:
 - a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan;
 - b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
 - c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;
 - d. Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý;
 - d. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
 - e. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty;
 - g. Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và
 - h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.
4. Mức thù lao của các thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

Mục 5

BẦU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

Điều 34. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

1. Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm thoả mãn các điều kiện quy định để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết chậm nhất ngay khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty sẽ thông báo cho các cổ đông dự họp về thông tin trên tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này được quyền đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định tại các Khoản 2 Điều 24, Khoản 2 Điều 32 Điều lệ này tương ứng. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu hoặc đại diện nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
4. Những người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty.

Mục 6

NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Điều 35. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 36. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể

gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;
 - b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;
 - c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 37. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện

theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

- a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
- b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG IV **QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

Điều 38. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 2 Điều 24 và Khoản 2 Điều 32 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ công ty miễn phí. Trường hợp công ty có website riêng, Điều lệ này phải được công bố trên website đó.

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC ĐẢNG, CÔNG ĐOÀN VÀ CÁC TỔ CHỨC ĐOÀN THỂ KHÁC

Điều 39. Tổ chức Đảng, Công đoàn và các tổ chức đoàn thể khác

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với tổ chức Đảng theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.
2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.
3. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý.
4. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức đoàn thể khác theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG VI

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 40. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác

được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VII

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 41. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 42. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 43. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG VIII

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 44. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 46 Điều lệ này, và trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính..
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp
4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của Công ty phải được công bố trên website của Công ty.
5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 45. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG IX KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 46. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG X CON DẤU

Điều 47. Con dấu

1. Công ty có hai (02) con dấu được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty. Số lượng và hình thức con dấu của Công ty có thể được thay đổi theo quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Việc quản lý và sử dụng con dấu được thực hiện theo Quy chế của Hội đồng quản trị batri ban hành tùy từng thời điểm”.

CHƯƠNG XI

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 48. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
 - b. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 49. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 50. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
 - c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
 - d. Các khoản vay (nếu có);
 - d. Các khoản nợ khác của Công ty;

- e. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XII

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 51. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty;
 - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp,Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng hai mươi (20) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.
3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.

CHƯƠNG XIII

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 52. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định và Điều lệ sửa đổi, bổ sung phải có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công ty.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XIV

NGÀY HIỆU LỰC

Điều 53. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 14 chương 53 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn nhất trí thông qua ngày 22 tháng 4 năm 2017 tại Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;
 - b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Định;
 - c. Bốn (04) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.